

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**BÁO CÁO
RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM
VỚI HIỆP ĐỊNH TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI CỦA WTO
(TFA)**

Hà Nội 2/2015

LỜI GIỚI THIỆU

Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO (TFA) được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 9 tại Bali ngày 6/12/2013 sau 10 năm đàm phán. Ngày 27/11/2014, các nước thành viên WTO đã thống nhất thông qua Nghị định thư sửa đổi Hiệp định thành lập WTO để đưa TFA chính thức trở thành Hiệp định thuộc Phụ lục 1A GATT 1994 trong Hệ thống các Hiệp định bắt buộc của WTO. TFA sẽ chính thức có hiệu lực khi 2/3 số thành viên WTO hoàn thành quá trình phê chuẩn nội bộ.

Như vậy, các nước thành viên WTO, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam, cần phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực thi TFA. Trong quá trình chuẩn bị này, cùng với việc xây dựng Kế hoạch hành động thực thi TFA và thành lập Ủy ban quốc gia về Tạo thuận lợi thương mại, Hải quan Việt Nam cần rà soát lại các văn bản pháp luật liên quan tới các cam kết trong Hiệp định, trên cơ sở đó đề xuất Chính phủ các giải pháp sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành.

Trong khuôn khổ Phần II TFA về các Biện pháp đối xử đặc biệt và khác biệt với các nước đang và kém phát triển, các nước tài trợ đã chấp thuận cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng năng lực cho các nước đang và kém phát triển thông qua các thỏa thuận song phương hoặc qua các tổ chức quốc tế. Trên cơ sở này, Hải quan Việt Nam đã đề xuất với Quỹ Thịnh vượng Đông Nam Á, Bộ Ngoại giao Vương quốc Anh cung cấp hỗ trợ xây dựng năng lực nhằm thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Nghiên cứu Rà soát pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ cam kết trong TFA này được thực hiện trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật nói trên hướng tới mục tiêu (i) đưa ra bức tranh so sánh chi tiết giữa pháp luật thương mại và hải quan của Việt Nam với từng nghĩa vụ, cam kết cụ thể trong TFA, (ii) phân tích đánh giá hiện trạng pháp luật so với yêu cầu của TFA và nhu cầu tự thân của Việt Nam, và (iii) xây dựng các đề xuất về biện pháp thực thi TFA tương ứng.

MỤC LỤC

Phần thứ nhất	4
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ.....	4
I. Bối cảnh và Mục tiêu.....	4
II. Giới hạn phạm vi rà soát.....	4
III. Tổng hợp kết quả rà soát và các Kiến nghị.....	5
1. Một phần lớn các nghĩa vụ cam kết trong TFA đã được quy định trong pháp luật Việt Nam.....	5
2. Một số nghĩa vụ cam kết trong TFA cần được bổ sung vào pháp luật Việt Nam.....	7
3. Các hoạt động cần tập trung nỗ lực thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả của TFA	10
Phần thứ hai	22
RÀ SOÁT CHI TIẾT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC NGHĨA VỤ CAM KẾT TRONG HIỆP ĐỊNH TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI CỦA WTO (TFA)	22
ĐIỀU 1: Công bố và tính sẵn có của thông tin	22
ĐIỀU 2: Cơ hội góp ý, thông tin trước thời hạn hiệu lực và tham vấn.....	30
ĐIỀU 3: Quy định về xác định trước	34
ĐIỀU 4: Các thủ tục khiếu nại và khiếu kiện	37
ĐIỀU 5: Các biện pháp khác để tăng cường hợp tác, không phân biệt đối xử và tính minh bạch.....	40
ĐIỀU 6: Các quy định về phí và lệ phí phải thu hoặc liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu và các khoản nộp phạt.....	46
ĐIỀU 7: Giai phóng và thông quan hàng hóa.....	52
ĐIỀU 8: Phối hợp của cơ quan quản lý biên giới	66
ĐIỀU 9: Chuyển hàng hóa dưới sự giám sát hải quan đối với nhập khẩu.....	68
ĐIỀU 10: Các thủ tục liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh.....	70
ĐIỀU 11: Tự do quá cảnh.....	79
ĐIỀU 12: Hợp tác hải quan.....	83

Phần thứ nhất

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ

I. Bối cảnh và Mục tiêu

Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của WTO (Trade Facilitation Agreement - TFA) được các nước thành viên WTO thống nhất thông qua tháng 12/2013 và trở thành một phần của hệ thống các Hiệp định bắt buộc của WTO từ tháng 11/2014. Với nội dung bao trùm các vấn đề về hải quan nhằm thúc đẩy và tạo thuận lợi cho hoạt động vận chuyển, thông quan, giải phóng hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh tại các cửa khẩu cũng như các biện pháp hợp tác giữa hải quan các nước và hỗ trợ kỹ thuật thực hiện, Hiệp định này hứa hẹn tạo ra một động lực mới thúc đẩy hoạt động thương mại hàng hóa quốc tế và mang lại lợi ích chung cho tất cả các quốc gia thành viên WTO.

Đối với Việt Nam, những nội dung trong TFA hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan mà Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Hơn thế nữa, TFA còn đặt ra các tiêu chuẩn thuận lợi hóa thương mại rõ ràng, thống nhất, kèm theo các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để thực thi. Vì vậy, TFA có thể là động lực cộng hưởng có ý nghĩa và là thước đo khách quan cho quá trình cải cách tự thân này của Việt Nam.

Do đó, mặc dù phải đợi tới khi có đủ 2/3 số thành viên WTO hoàn thành thủ tục phê chuẩn nội địa TFA mới có hiệu lực áp dụng bắt buộc, và ngay cả khi chính thức có hiệu lực thì việc thực hiện các nghĩa vụ trong Hiệp định TFA cũng có các lộ trình khác nhau, Việt Nam có đầy đủ lý do để nỗ lực tối đa hoàn thành càng sớm càng tốt các cam kết trong TFA. Với mục tiêu này, việc rà soát pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ, cam kết trong TFA là cần thiết và có ý nghĩa.

Nghiên cứu Rà soát này được thực hiện nhằm (i) đưa ra bức tranh so sánh chi tiết giữa pháp luật thương mại và hải quan của Việt Nam với từng nghĩa vụ, cam kết cụ thể trong TFA, (ii) phân tích đánh giá hiện trạng pháp luật so với yêu cầu của TFA và nhu cầu tự thân của Việt Nam, và (iii) xây dựng các đề xuất về biện pháp thực thi TFA tương ứng.

II. Giới hạn phạm vi rà soát

Hiệp định TFA bao gồm 24 Điều chia làm 03 Phần. Phần I có 12 Điều quy định chi tiết về các biện pháp cam kết nhằm tạo thuận lợi thương mại. Các Phần II và III bao gồm 12 Điều về các vấn đề hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng năng lực đối với các nước đang và kém phát triển cũng như vấn đề về thể chế.

Với mục tiêu so sánh các biện pháp cam kết trong TFA với pháp luật Việt Nam, Nghiên cứu rà soát này chỉ tập trung phân tích các quy định tại Phần I của TFA nơi có các biện pháp kỹ thuật (cam kết) cụ thể về nghĩa vụ của các nước thành viên.

Liên quan tới pháp luật Việt Nam, vào thời điểm thực hiện Nghiên cứu Rà soát này, hệ thống pháp luật hải quan, nhóm văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp nhất tới các vấn đề về tạo thuận lợi thương mại đang có những biến động lớn. Luật Hải quan mới đã được ban hành năm nhưng chỉ có hiệu lực từ 1/1/2015. Một loạt các văn bản hướng dẫn Luật Hải quan (ít nhất là 01 Nghị định và 12 Thông tư) đang được dự thảo, đưa ra lấy ý kiến để sớm thông qua phục vụ cho việc thi hành Luật Hải quan 2014. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008, văn bản có liên quan trực tiếp tới một số Điều về công khai, minh bạch trong TFA cũng đang được sửa đổi, dự kiến sẽ thông qua vào kỳ họp Quốc hội tháng 6/2015 và chưa rõ thời điểm có hiệu lực.

Với mục tiêu rà soát pháp luật Việt Nam để xác định biện pháp thực thi TFA trong thời gian tới, pháp luật Việt Nam được lựa chọn để rà soát trong Nghiên cứu này bao gồm các văn bản chắc chắn có hiệu lực trong năm 2015, bao gồm:

- Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (dự thảo hoặc các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có dự thảo thay thế)
- Các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực liên quan có/còn hiệu lực trong năm 2015.

Về phạm vi các văn bản được phân tích, trên thực tế, trong nhiều vấn đề/chế định pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam có nhiều văn bản, ở các tầng nấc khác nhau cùng quy định về vấn đề liên quan. Nghiên cứu rà soát chỉ tập trung vào các văn bản có chứa các quy định trực tiếp và có hiệu lực bao trùm/cao nhất nhất về vấn đề được phân tích, không liệt kê các quy định có liên quan một cách gián tiếp hoặc nhắc lại các quy định có giá trị pháp lý cao hơn.

Về tiêu chí rà soát và đưa ra đề xuất, như đã nêu ở trên, việc thực hiện đầy đủ, toàn phần và thực chất tất cả các nghĩa vụ trong TFA là vì lợi ích trước hết của Việt Nam, do đó, Nghiên cứu rà soát này lấy chuẩn là các nghĩa vụ cam kết trong Phần I của TFA, không phụ thuộc vào nghĩa vụ đó thuộc nhóm A, B hay C trong lộ trình thực hiện.

III. Tổng hợp kết quả rà soát và các Kiến nghị

Nghiên cứu rà soát pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ cam kết trong TFA cho thấy:

1. Một phần lớn các nghĩa vụ cam kết trong TFA đã được quy định trong pháp luật Việt Nam

Là thành viên của Công ước Kyoto sửa đổi về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan từ 2008, thời gian qua Việt Nam đã tiến hành sửa đổi nhiều chế định trong pháp luật hải quan nhằm đáp ứng các yêu cầu của Công ước này. Trong khi đó, đa số các nghĩa vụ cam kết trong Hiệp định TFA được xây dựng dựa trên Công ước Kyoto, với mục tiêu đưa các tiêu chuẩn vốn chỉ có tính ràng buộc với các thành viên trong Công ước này trở thành khung khổ bắt buộc đối với tất cả Thành viên WTO. Do đó, rất

nhiều các nhóm nghĩa vụ cam kết trong TFA đã được pháp điển hóa trong hệ thống pháp luật hải quan của Việt Nam.

Ngoài ra, trong những năm vừa qua, Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong cải cách hành chính cũng như tăng cường tính minh bạch của hệ thống pháp luật và nhấn mạnh sự tham gia của người dân vào quá trình này (thông qua một loạt các văn bản pháp luật liên quan như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008, Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính, các văn bản pháp luật thương mại chuyên ngành...). Kết quả là nhiều yêu cầu về minh bạch, công khai thông tin và tham vấn trong TFA đã được đáp ứng trong pháp luật Việt Nam.

Cụ thể, pháp luật Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng các nghĩa vụ sau đây của TFA:

- Nghĩa vụ về *công bố* theo cách dễ tiếp cận và không phân biệt đối xử 11 nhóm thông tin về hải quan tại Khoản 1 Điều 1 TFA
- Nghĩa vụ đăng tải *trên mạng thông tin điện tử* một số nhóm thông tin hải quan nhất định, dưới dạng thức nhất định tại Khoản 1.2 Điều 1 TFA
- Nghĩa vụ thiết lập và duy trì các điểm giải đáp theo Khoản 1.3 Điều 1 TFA
- Nghĩa vụ về tạo *cơ hội góp ý và thông tin trước khi văn bản có hiệu lực* tại Khoản 1 Điều 2 TFA
- Nghĩa vụ về tham vấn giữa cơ quan biên giới và các chủ thể liên quan tại Khoản 2 Điều 2 TFA
- Các nghĩa vụ liên quan tới quyền yêu cầu, giá trị pháp lý, công bố quy trình ra quyết định, thời hạn có hiệu lực, quy trình rà soát lại, từ chối ban hành, sửa đổi/hủy bỏ hiệu lực *xác định trước* tại Điều 3 TFA
- Nghĩa vụ về duy trì các *cơ chế khiếu nại hoặc khiếu kiện* bảo đảm quyền của chủ thể khiếu nại/khiếu kiện tại Điều 4 TFA
- Nghĩa vụ thông báo kịp thời về *hàng hóa tạm giữ để kiểm tra* tại Điều 5 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới các điều kiện, cơ chế *thu phí, lệ phí, phạt vi phạm* trong lĩnh vực hải quan tại Khoản 1 và 3 Điều 6 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới áp dụng các thủ tục cho phép *xử lý hồ sơ hải quan trước khi hàng đến* tại Khoản 1 Điều 7 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới việc cho phép *thanh toán điện tử* tại Khoản 2 Điều 7 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới *tách việc giải phóng hàng với quyết định cuối cùng về thuế, phí, lệ phí* tại khoản 3 Điều 7 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới quy trình *kiểm tra sau thông quan* tại Khoản 5 Điều 7 TFA

- Nghĩa vụ liên quan tới *thiết lập và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình* tại Khoản 6 Điều 7 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới *vận chuyển hàng hóa nhập khẩu dưới sự giám sát của hải quan* tại Điều 9 TFA
- Nghĩa vụ *rà soát để sửa đổi khi cần thiết các quy định về thủ tục, chứng từ hải quan* tại Khoản 1 Điều 10 FTA
- Nghĩa vụ *chấp nhận các bản sao chứng từ* tại Khoản 2 Điều 10 TFA
- Nghĩa vụ sử dụng các chuẩn mực quốc tế khi xây dựng các thủ tục hải quan tại Khoản 3 Điều 10
- Nghĩa vụ không áp dụng cơ chế *kiểm tra trước khi giao hàng* tại Khoản 5 Điều 10 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới sử dụng *đại lý hải quan* tại Khoản 6 Điều 10 TFA
- Đa số các nghĩa vụ về các *biện pháp xử lý đối với hàng hóa bị từ chối do không đáp ứng yêu cầu SPS, TBT* tại Khoản 8 Điều 10 TFA
- Nghĩa vụ miễn thuế đối với *hàng hóa tạm quản, hàng hóa sử dụng để gia công* trong nước hoặc nước ngoài tại Khoản 9 Điều 10 TFA
- Nghĩa vụ bảo đảm *tự do quá cảnh* tại Điều 11 TFA

Với các nhóm nghĩa vụ nói trên, từ góc độ pháp luật, Việt Nam không cần phải điều chỉnh, sửa đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào của các văn bản pháp luật hiện hành.

Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam ở các nhóm nghĩa vụ này trong TFA, vì vậy, lại ở khía cạnh khác: khía cạnh bảo đảm việc thực thi trên thực tế các quy định đã có, đã tốt trong văn bản pháp luật.

Nghiên cứu khuyến nghị các hỗ trợ kỹ thuật về các nhóm nghĩa vụ này cần tập trung vào việc hỗ trợ các cơ quan thực thi và các đối tượng chịu tác động xây dựng năng lực (nguồn nhân lực), thiết lập tổ chức bộ máy để triển khai thực hiện cũng như kiểm soát hiệu quả thực thi các nghĩa vụ này trên thực tế.

2. Một số nghĩa vụ cam kết trong TFA cần được bổ sung vào pháp luật Việt Nam

Trong khi hầu hết các nhóm nghĩa vụ trong TFA đã được quy định đầy đủ trong pháp luật Việt Nam, một số nhóm nghĩa vụ vẫn còn một vài điểm nhỏ chưa được thể hiện trong pháp luật Việt Nam (dù phần lớn các nghĩa vụ chi tiết khác trong nhóm đã có) và vì thế cần được bổ sung vào hệ thống pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo thực hiện triệt để các yêu cầu trong TFA.

Cụ thể, các nghĩa vụ sau đây trong TFA cần được bổ sung vào các quy định nội địa của Việt Nam:

- Nghĩa vụ về thủ tục kiểm định lần 2 tại Khoản 3 Điều 5 TFA (quy định về kiểm định lần 2 đối với kết quả kiểm tra chuyên ngành, quy định về thông tin địa chỉ các đơn vị kiểm định)
- Nghĩa vụ về phí, lệ phí liên quan tới xuất nhập khẩu tại Khoản 1 Điều 6 TFA (quy định về công bố thông tin về phí, lệ phí; nguyên tắc xác định mức phí, lệ phí)
- Nghĩa vụ tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về hải quan, thuế và các loại phí tại Khoản 3 Điều 7 TFA (quy định về hoàn trả khoản bảo lãnh)
- Nghĩa vụ về doanh nghiệp ưu tiên tại Khoản 7 Điều 7 TFA (các điều kiện hạn chế quyền của SMEs)
- Nghĩa vụ về thủ tục hải quan đối với hàng chuyên phát nhanh theo Khoản 8 Điều 7 TFA (thủ tục kiểm tra chuyên ngành ưu tiên)
- Nghĩa vụ liên quan tới thủ tục hải quan ưu tiên hàng hóa dễ hư hỏng theo Khoản 9 Điều 7 TFA
- Nghĩa vụ liên quan tới cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý biên giới tại Điều 8 TFA (quy định cụ thể về cơ chế phối hợp)
- Nghĩa vụ *nỗ lực thiết lập Cơ chế một cửa* tại Khoản 4 Điều 10 TFA
- Nghĩa vụ về các biện pháp xử lý đối với hàng hóa bị từ chối do không đáp ứng yêu cầu SPS, TBT tại Khoản 8 Điều 10 TFA (tiêu chí đối với từng biện pháp xử lý, cách thức xử lý đối với trường hợp không thực hiện được biện pháp xử lý theo yêu cầu)
- Nghĩa vụ *nỗ lực hợp tác hải quan* tại Điều 12 TFA.

Nghiên cứu khuyến nghị 02 phương pháp để sửa đổi, điều chỉnh pháp luật Việt Nam nhằm bổ sung các nhóm nghĩa vụ mới theo cam kết trong TFA, bao gồm:

(i) Đề xuất xây dựng văn bản mới nhằm thực thi TFA:

Phương pháp này áp dụng đối với các trường hợp mà việc bổ sung các nghĩa vụ mới theo TFA vào hệ thống pháp luật Việt Nam đòi hỏi việc bổ sung nhiều văn bản riêng lẻ cùng lúc hoặc không có văn bản pháp luật nào hiện hành thích hợp về phạm vi để bổ sung các nghĩa vụ mới.

Cụ thể, 02 văn bản được đề nghị xây dựng mới nhằm thực thi TFA, bao gồm:

- 01 Nghị định về minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan và
- 01 Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu.

(ii) Đề xuất bổ sung quy định vào các Văn bản đang dự thảo hoặc đang có hiệu lực pháp luật

Phương pháp này áp dụng đối với các trường hợp mà các nghĩa vụ cần bổ sung thuộc phạm vi điều chỉnh hiện tại của các văn bản pháp luật hiện hành hoặc đang được soạn thảo/sửa đổi.

Cụ thể, Nghiên cứu đề xuất sửa đổi bổ sung 14 văn bản (trong đó có 8 văn bản đang trong quá trình dự thảo và 6 văn bản hiện hành). Cụ thể

Đề xuất sửa đổi, bổ sung 08 văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính
- Thông tư 51/2010/TT-BNNPTNT về hàng hóa là thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu
- Nghị định 08/2010/NĐ-CP về thức ăn chăn nuôi
- Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan
- Nghị định 24/2006/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh phí, lệ phí
- Nghị định 127/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan
- Thông tư 126/2014/TT-BTC hướng dẫn một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa XNK
- Thông tư 100/2010/TT-BTC về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế

Đề xuất sửa đổi, bổ sung 08 dự thảo văn bản sau:

- Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính
- Dự thảo Luật Thú y
- Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK
- Dự thảo sửa đổi Thông tư 05/2012/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư 13/2011/TT-BNNPTNT về hàng hóa là thực phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu
- Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật
- Dự thảo Thông tư về áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp

Đối với nhóm nghĩa vụ này trong TFA, Nghiên cứu khuyến nghị các hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào việc hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền cũng như các nhóm đối

tượng chịu tác động trong việc xây dựng (soạn thảo) và ban hành các văn bản pháp luật liên quan.

3. Các hoạt động cần tập trung nỗ lực thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả của TFA

Với phần lớn các nghĩa vụ trong TFA đã được pháp điển hóa trong pháp luật Việt Nam và một phần nhỏ các nghĩa vụ chi tiết còn lại có thể được bổ sung vào các văn bản pháp luật nội địa trong thời gian tới, xét một cách chặt chẽ thì không có nghĩa vụ nào trong TFA ngoài khả năng thực hiện của Việt Nam.

Mặc dù vậy, để đạt được mục tiêu cốt lõi của TFA là tạo thuận lợi thương mại thông qua các biện pháp được đề cập trong Hiệp định một cách thực chất chứ không chỉ nương vào câu chữ cụ thể của TFA thì Việt Nam còn rất nhiều việc phải làm. Từ góc độ hiện trạng thực tế hoạt động hải quan của Việt Nam thì 02 nhóm vấn đề sau đây được xác định là thách thức lớn nhất mà Việt Nam cần tập trung thực hiện trong thời gian tới: một là thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia và hai là Cơ chế phối hợp giữa hải quan, biên giới và các cơ quan quản lý chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu.

(i) Về Cơ chế hải quan một cửa quốc gia

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 thì liên quan tới cơ chế một cửa, các Thành viên WTO chỉ có nghĩa vụ “*nỗ lực* duy trì hoặc thiết lập Cơ chế một cửa”, nói cách khác đây là một biện pháp khuyến nghị mà không bắt buộc thực hiện.

Mặc dù vậy, việc thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia gắn với quy trình hải quan điện tử là biện pháp được coi là tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại lý tưởng nhất hiện nay. Do đó việc Việt Nam hướng tới hiện thực hóa Cơ chế một cửa quốc gia này là cần thiết vì nhu cầu của chính mình cũng như nhằm thực hiện ở mức cao mục tiêu của TFA dù rằng đây không phải nghĩa vụ bắt buộc trong TFA.

Trong khi đó, liên quan tới Cơ chế này, pháp luật Việt Nam hiện tại chưa có quy định bắt buộc chính thức nào, tất cả đều ở trạng thái “chờ” với các quy định được thiết kế kiểu dự phòng, sẽ áp dụng khi nào có Cơ chế một cửa quốc gia. Việt Nam cũng đã có kế hoạch thí điểm thực hiện Cơ chế một cửa ở phạm vi hẹp (loại thủ tục, các cơ quan tham gia). Tuy nhiên việc triển khai trên thực tế chưa đạt được mục tiêu mong muốn, và tính tới thời điểm 1/1/2015 chưa có doanh nghiệp nào được thông quan theo Cơ chế này.

Do đó, Nghiên cứu khuyến nghị thời gian tới Việt Nam tập trung thiết lập và vận hành thành công Cơ chế một cửa quốc gia này không phải với tính chất là biện pháp để tuân thủ TFA mà là biện pháp nhằm đạt được mục tiêu thực chất của TFA với hiệu quả tốt nhất. Mục tiêu này có thể đạt được thông qua việc:

- Xây dựng văn bản pháp luật thực hiện từng phần Cơ chế này (với có quy định có hiệu lực thực thi bắt buộc chứ không chỉ dừng lại ở các quy định mang tính mục tiêu và thí điểm)
- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật về thông tin tương ứng với các yêu cầu pháp luật về thực hiện từng phần Cơ chế một cửa quốc gia như nêu ở trên.

Nghiên cứu cũng khuyến nghị các hỗ trợ kỹ thuật cho thực thi TFA ở Việt Nam tập trung vào hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật cho 02 hoạt động nhằm hiện thực hóa từng bước Cơ chế hải quan một cửa quốc gia này.

(ii) Về cơ chế phối hợp giữa hải quan và các cơ quan thực thi pháp luật tại biên giới, các cơ quan quản lý chuyên ngành trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Từ góc độ pháp luật, kết quả rà soát pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ trong TFA cho thấy hầu hết tất cả các vấn đề có liên quan sự tham gia của các cơ quan quản lý chuyên ngành ngoài hải quan Việt Nam đều chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu trong TFA.

Trên thực tế, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan biên giới khác với hải quan cũng là một trong những vấn đề vướng mắc nhất trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam (ngay chỉ với các yêu cầu của pháp luật hiện hành).

Trong khi đó, theo một nghiên cứu khảo sát được thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương – Bộ kế hoạch và đầu tư (CIEM), Tổng cục Hải quan với sự hỗ trợ của Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAid) về thủ tục hành chính đối với hoạt động xuất nhập khẩu thì 72% tổng số thời gian thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Việt Nam là dành cho các thủ tục với các cơ quan quản lý chuyên ngành (thời gian cho cơ quan hải quan chỉ chiếm 28%). Điều này cho thấy những nỗ lực để tạo thuận lợi thương mại nếu chỉ tập trung ở các thủ tục thực hiện bởi cơ quan hải quan thì hiệu quả nếu đạt được cũng sẽ rất hạn chế.

Vì vậy, bên cạnh việc sửa đổi pháp luật để thực thi các nghĩa vụ cụ thể trong TFA liên quan tới sự phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước, Việt Nam rất cần có cách tiếp cận tập trung và tổng thể để thiết lập một Cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan tới thủ tục hải quan trong tất cả các khía cạnh, thực hiện cải cách hành chính triệt để trong khu vực chiếm tới 72% thời gian thủ tục xuất nhập khẩu. Đây là một trong những cơ sở để Việt Nam thực hiện thực chất mục tiêu tạo thuận lợi thương mại của TFA trong bối cảnh cụ thể của thủ tục hải quan tại Việt Nam.

Do đó, Nghiên cứu khuyến nghị cùng với việc thiết lập Cơ chế một cửa quốc gia, Việt Nam cần tập trung vào thiết lập Cơ chế phối hợp giữa hải quan và các cơ quan quản lý

chuyên ngành trong các thủ tục liên quan tới hàng hóa xuất nhập khẩu, với các bước như sau:

- Xây dựng 01 Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm thực thi các yêu cầu cụ thể liên quan tới kiểm soát chuyên ngành theo TFA
- Mở rộng phạm vi Nghị định nói trên, với các quy định thiết lập cơ chế phối hợp giữa hải quan với các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan biên giới trong tất cả các khía cạnh của hoạt động xuất nhập khẩu trong đó nêu rõ công việc cụ thể, trách nhiệm của từng cơ quan và biện pháp xử lý trong trường hợp một/một số cơ quan không thực hiện đúng trách nhiệm của mình.

Nghiên cứu cũng khuyến nghị các hỗ trợ kỹ thuật cho thực thi TFA ở Việt Nam tập trung vào hỗ trợ nguồn lực và kỹ thuật cho 02 hoạt động liên quan tới cơ chế phối hợp giữa hải quan và các cơ quan chuyên ngành, biên giới khác nhằm bảo đảm mục tiêu tạo thuận lợi thương mại của TFA ở tất cả thủ tục liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu chứ không chỉ ở thủ tục hải quan thuần túy.

Bảng 1 - Tổng hợp kết quả rà soát mức độ tuân thủ của pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ trong TFA

Ghi chú ký hiệu Bảng

Hộp xanh	Đã tuân thủ
Hộp vàng	Cần điều chỉnh bổ sung thêm
Hộp xanh chữ đỏ	Phần lớn nghĩa vụ đã tuân thủ trừ nội dung đánh dấu chữ đỏ cần điều chỉnh bổ sung

Nhóm nghĩa vụ trong TFA	Nghĩa vụ cụ thể trong TFA và mức độ tuân thủ của pháp luật Việt Nam			
Điều 1 Công bố thông tin và tính sẵn có của thông tin	Công bố thông tin về hải quan	Thông tin sẵn có qua mạng	Điểm giải đáp	Thông báo các tất cả các địa chỉ thông tin, điểm hỏi đáp
Điều 2 Cơ hội góp ý, thông tin trước thời hạn hiệu lực và tham vấn	Cơ hội đề doanh nghiệp góp ý cho dự thảo Cơ hội tiếp cận thông tin về văn bản trước khi văn bản có hiệu lực thi hành	Tham vấn định kỳ giữa cơ quan quản lý biên giới và DN		
Điều 3 Xác định trước	Quyền yêu cầu xác định trước	Từ chối ban hành xác định trước	Thời hạn có hiệu lực của quyết định xác định trước	Thu hồi, sửa đổi quyết định xác định trước
	Giá trị ràng buộc của xác định trước	Công bố về quy trình ra quyết định xác định trước	Rà soát lại quyết định xác định trước	Công khai thông tin trong xác định trước trong chừng mực có thể
	Định nghĩa và phạm vi			

	xác định trước			
Điều 4 Thủ tục khiếu nại/khiếu kiện	Quyền khiếu nại/khiếu kiện đối với các quyết định hành chính về hải quan	Không phân biệt đối xử trong thủ tục khiếu nại, khiếu kiện	Quyền khiếu nại/khiếu kiện tiếp ở cấp cao hơn	Quyết định hành chính phải nêu căn cứ pháp luật và thực tiễn rõ ràng
Điều 5 Biện pháp tăng cường minh bạch, công bằng, không phân biệt đối xử	Thông báo về các trường hợp tăng cường kiểm soát đối với thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	Thông báo kịp thời việc tạm giữ hàng hóa để kiểm tra	Kiểm định lần hai nếu doanh nghiệp không đồng ý với kết quả kiểm định lần đầu	
Điều 6 Quy định về phí, lệ phí, thuế, phạt vi phạm	Thông tin về mức thuế, lý do, cơ quan thu, cách thức thu phí, lệ phí phải được công bố. Phải rà soát định kỳ mức phí, lệ phí	Mức phí, lệ phí phải giới hạn ở mức chi phí dịch vụ bỏ ra	Các khoản phạt vi phạm - chỉ áp dụng đối với đối tượng vi phạm, - dựa trên các bằng chứng, phù hợp với mức nghiêm trọng - phải nêu căn cứ - nếu tự giác khai báo phải được coi là tình tiết giảm nhẹ	

Điều 7 Giải phóng và thông quan hàng hóa	Có thủ tục để xử lý hồ sơ trước khi hàng đến	Có hình thức cho phép thanh toán điện tử thuế, phí, lệ phí hải quan	Tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về thuế, phí, lệ phí Có thể yêu cầu tạm nộp thuế, phí hoặc bảo lãnh trước Khoản bảo lãnh không lớn hơn khoản dự kiến phải nộp Có thủ tục hoàn trả khoản bảo lãnh	Duy trì quy trình quản lý rủi ro minh bạch, không phân biệt đối xử, không hạn chế tự do thương mại trên mức cần thiết, với tiêu chí đánh giá rủi ro hợp lý
	Kiểm tra sau thông quan với tiêu chí lựa chọn thích hợp, thông báo kịp thời kết quả kiểm tra	Thiết lập và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình	-Các biện pháp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ưu tiên - Công bố tiêu chí DN ưu tiên - Không hạn chế SMEs	
	Thủ tục riêng, nhanh gọn (kiểm tra chuyên ngành) hơn cho lô hàng chuyển phát nhanh, ít nhất là hàng chuyển phát nhanh bằng đường hàng không	Thủ tục ưu tiên về thời gian cho hàng hóa để hư hỏng	Phối hợp giữa các cơ quan quản lý ở biên giới trong thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa Phối hợp với cơ quan thẩm quyền ở đối tác chung biên giới	
Điều 8	Phối hợp giữa các cơ quan quản lý biên giới	Hợp tác với cơ quan thẩm quyền ở đối tác chung biên		

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý ở biên giới	trong thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa	giới		
Điều 9 Vận chuyển hàng hóa dưới sự giám sát hải quan	Cho phép hàng hóa vận chuyển trong lãnh thổ dưới sự giám sát của hải quan (hàng quá cảnh)			
Điều 10 Các thủ tục liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh	Các yêu cầu về thủ tục, chứng từ cần được giảm bớt và đơn giản hóa, ít hạn chế thương mại, được rà soát lại	Chấp nhận bảo sao khi có thể trong các hồ sơ thủ tục hải quan	Sử dụng các chuẩn mực quốc tế trong các thủ tục xuất nhập khẩu, quá cảnh	Cơ chế một cửa
	Không yêu cầu kiểm tra trước khi giao hàng lên tàu tại nước xuất khẩu	Không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan Việc cấp phép cho đại lý hải quan phải minh bạch, khách quan	Thủ tục hải quan thống nhất trên toàn quốc	Hàng hóa bị từ chối do không đáp ứng các yêu cầu SPS, TBT phải được cho phép trả lại nước XK
	Miễn thuế quan đối với hàng hóa tạm quản hoặc gia công ở trong nước/nước ngoài			
Điều 11 Tự do quá cảnh	Có cơ chế cho phép quá cảnh hàng hóa tự do, không bị cản trở bởi các điều kiện về thuế/phi hoặc các rào cản vô lý khác			

Điều 12 Hợp tác hải quan	Có các biện pháp hợp tác với hải quan các nước (trao đổi thông tin, xác minh...)			
-----------------------------	--	--	--	--

Bảng 2 - Tổng kết các đề xuất sửa đổi pháp luật Việt Nam thực thi cam kết TFA

Nghĩa vụ cần bổ sung vào pháp luật nội địa	Điều khoản trong TFA	Văn bản nội địa đề xuất sửa đổi	Trạng thái của văn bản đề xuất sửa đổi
Chi tiết các nội dung về thủ tục hành chính cần công khai	Khoản 1.1 Điều 1	Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính	Đang có hiệu lực
Dịch các văn bản về 11 loại vấn đề trong thủ tục hải quan ra tiếng Anh	Khoản 2.2 Điều 1	Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Thành lập Điểm giải đáp với các chức năng tư vấn về tất cả các vấn đề hải quan	Khoản 3 Điều 1	Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Thông báo về tất cả các địa điểm, đường dẫn trang thông tin điện tử, địa chỉ điểm giải đáp có thông tin về thủ tục hải quan	Khoản 4 Điều 1	Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Đảm bảo cơ hội góp ý thực chất, tiếp thu hiệu quả cho các dự thảo văn bản	Khoản 1 Điều 2	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đang sửa đổi
Tham vấn định kỳ giữa cơ quan biên giới và các đối tượng liên quan	Khoản 2 Điều 2	Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Quyết định hành chính phải nêu rõ căn cứ pháp lý và thực tế	Điều 4	Luật Ban hành quyết định hành chính	Đang soạn thảo sửa đổi Luật hiện hành
Về các biện pháp tăng cường kiểm soát - Căn cứ/tiêu chí áp dụng biện pháp tăng cường	Khoản 1 Điều 5	Thông tư 05/2012/TT-BNNPTNT về hàng hóa là thực phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Đang sửa đổi

<ul style="list-style-type: none"> - Quy định rõ quy trình thông báo áp dụng và rút lại biện pháp tăng cường kiểm soát đối với thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi 		Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Chưa xây dựng
		Thông tư 51/2010/TT-BNNPTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y	Đang có hiệu lực
		Nghị định 08/2010/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi	Đang có hiệu lực
		Luật Thú y	Đang soạn thảo nâng cấp, sửa đổi Pháp lệnh hiện hành
<p>Thủ tục kiểm định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung quy định về cơ chế kiểm định lại (kiểm định lần 2) trong trường hợp không đồng ý với kết quả lần đầu đối với kết quả kiểm tra chuyên ngành - Công bố tên các đơn vị kiểm nghiệm có thể làm kiểm định lần 2 	Khoản 3 Điều 5	<p>Nghị định quy định chi tiết Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan</p> <p>Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p>	Đang soạn thảo
		Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Công bố hướng dẫn về phí, lệ phí	Khoản 1 Điều 6	Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Mức phí, lệ phí hải quan phải giới hạn ở chi phí cho các dịch vụ cung cấp	Khoản 2 Điều 6	Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí hải quan	Đang có hiệu lực
Quy định các biện pháp tránh xung đột lợi ích giữa chủ thể ra quyết định và chủ thể	Khoản 3 Điều 6	Nghị định 127/2013/NĐ-CP	Đang có hiệu lực

chịu phạt vi phạm			
Quy định về hoàn trả khoản bảo lãnh cho giải phóng hàng khi chấm dứt căn cứ bảo lãnh	Khoản 3 Điều 7	Thông tư 126/2014/TT-BTC hướng dẫn một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa XNK	Đang có hiệu lực
Phối hợp giữa hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành trong thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro	Khoản 4 Điều 7	Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Thiết lập phương pháp đo và công bố kết quả đo thời gian giải phóng hàng	Khoản 6 Điều 7	Đề án xây dựng phương pháp đo thời gian giải phóng hàng của Bộ Tài chính	Dự kiến xây dựng
Không hạn chế SMEs trong việc hưởng quy chế doanh nghiệp ưu tiên	Khoản 7.2 Điều 7	Nghị định quy định chi tiết Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan Thông tư về áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp	Đang soạn thảo
Cơ chế ưu tiên trong kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa chuyên phát nhanh qua đường hàng không	Khoản 8 Điều 7	Thông tư 100/2010/TT-BTC về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế	Đang có hiệu lực
Quy định chi tiết cơ chế ưu tiên về thời gian, thủ tục hải quan đối với hàng hóa dễ hư hỏng	Khoản 9 Điều 7	Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK	Đang soạn thảo
Cơ chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan quản lý biên giới trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu	Điều 8	Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Cơ chế hải quan một cửa quốc gia	Khoản 4 Điều 10	Các văn bản pháp luật quy định về Cơ chế hải quan một cửa quốc gia theo từng bước	Chưa có, đề xuất xây dựng mới
Hàng hóa bị từ chối do không đáp ứng yêu	Khoản 8 Điều 10	Nghị định quy định chi tiết Luật Hải	Đang soạn

<p>câu TBT/SPS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện, tiêu chí để xác định biện pháp xử lý đối với hàng hóa không đáp ứng các điều kiện nhập khẩu về TBT/SPS - Các biện pháp xử lý trong trường hợp nhà nhập khẩu không đáp ứng được yêu cầu tái chế/buộc tiêu hủy/tái xuất 		<p>quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan</p> <p>Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p>	<p>thảo</p>
--	--	---	-------------

Phần thứ hai**RÀ SOÁT CHI TIẾT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC NGHĨA VỤ CAM KẾT TRONG HIỆP ĐỊNH TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI CỦA WTO (TFA)**

Hiệp định thuận lợi hóa thương mại	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích – Đề xuất giải pháp
ĐIỀU 1: CÔNG BỐ VÀ TÍNH SẴN CÓ CỦA THÔNG TIN		
1 Công bố thông tin		
<p>1.1 Mỗi Thành viên phải khẩn trương công bố các thông tin sau một cách không phân biệt đối xử và dễ tiếp cận để cho phép các chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan nắm được các thông tin này:</p> <p>(a) thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh (bao gồm thủ tục tại cảng, sân bay hoặc các điểm nhập cảnh khác) và các văn bản và chứng từ theo yêu cầu;</p> <p>(b) thuế suất các thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế đánh vào hoặc liên quan tới việc nhập khẩu hay xuất khẩu;</p> <p>(c) các loại phí và lệ phí do cơ quan hải quan và các cơ quan chính phủ qui định, về hoặc liên quan tới việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh;</p> <p>(d) các nguyên tắc phân loại hàng hóa hoặc xác định trị giá hải quan;</p> <p>(e) các luật, qui định và các quy tắc hành chính về việc áp dụng chung liên quan đến các qui tắc xuất xứ;</p> <p>(f) các qui định cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh;</p>	<p>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 78 <i>2. Văn bản quy phạm pháp luật phải được <u>đăng Công báo</u>; văn bản quy phạm pháp luật không <u>đăng Công báo</u> thì không có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước</i> - Điều 84 <i>Văn bản quy phạm pháp luật phải được <u>đăng tải toàn văn trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành</u> và phải <u>đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng</u>, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.</i> <p>Việc triển khai chi tiết các hoạt động công khai VBQPPL được thực</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quy định liên quan tới 11 nhóm thông tin như liệt kê tại Khoản 1.1 đều là các thông tin nằm trong các VBQPPL và vì vậy bắt buộc phải đăng công khai theo các quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn, ở các hình thức: <ul style="list-style-type: none"> - Công báo - Trang tin điện tử của cơ quan ban hành - Phương tiện thông tin đại chúng 2. Các hình thức công khai theo quy định đều là hình thức cho phép tiếp cận không hạn chế về đối tượng, thời gian, địa điểm. Vì vậy đã đáp ứng yêu cầu về không phân biệt đối xử và cho phép mọi đối tượng dễ dàng tiếp cận. <p>Đề xuất</p>

<p>(g) các qui định về xử phạt đối với các vi phạm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh;</p> <p>(h) thủ tục khiếu nại hoặc khiếu kiện;</p> <p>(i) các hiệp định hoặc một phần hiệp định ký với bất kỳ một hoặc nhiều quốc gia liên quan tới việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh; và</p> <p>(j) các thủ tục hành chính liên quan tới việc quản lý hạn ngạch thuế quan.</p> <p>1.2 Không có điều nào trong các qui định được hiểu là yêu cầu việc công bố hoặc cung cấp thông tin ngoài ngôn ngữ của Thành viên ngoại trừ trường hợp nêu tại khoản 2.2.</p>	<p>hiện hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, đặc biệt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 24/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL - Nghị định số 100/2010/NĐ-CP về công báo <p>Ngoài ra một số Luật khác cũng có quy định liên quan tới việc công khai VBQPPL như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật tuyên truyền, phổ biến pháp luật 2012 - Luật công nghệ thông tin 2006 - Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính - Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Liên quan tới yêu cầu tại Khoản 1.1: Pháp luật VN đã tương thích hoàn toàn, vì vậy không cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh gì. 2. Liên quan tới yêu cầu tại Khoản 1.2: Xem đề xuất cho Khoản 2.1 dưới đây
<p>2. Thông tin sẵn có qua mạng Internet</p> <p>2.1 Mỗi Thành viên phải cung cấp, và cập nhật trong phạm vi có thể và một cách phù hợp, các thông tin sau qua mạng internet:</p> <p>(a) bản hướng dẫn¹ về thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh, bao gồm cả các thủ tục khiếu</p>	<p>Luật Ban hành VBQPPL 2008:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 84 quy định cơ quan ban hành văn bản phải đăng tải văn bản trên <u>Trang thông tin điện tử</u> chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành <p>Luật Công nghệ thông tin 2006</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo các quy định hiện hành thì các văn bản (bao gồm cả các văn bản sửa đổi) có chứa các nội dung như nêu tại điểm a, b, c của Khoản 2.1 và 2.3 Điều 1 TFA đều là VBPL và thuộc diện phải đăng công khai trên mạng internet.

¹Mỗi Thành viên có quyền quyết định nêu trên trang mạng của mình những giới hạn pháp lý của bản hướng dẫn này.

<p>nại hoặc khiêu khích, để thông tin cho các chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan khác về các bước thực hiện cần thiết đối với nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh;</p> <p>(b) các tờ khai và chứng từ cần thiết đối với việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh qua lãnh thổ của Thành viên đó;</p> <p>(c) thông tin liên hệ của (các) điểm giải đáp.</p> <p>2.2 Khi điều kiện có thể thực hiện được, bản hướng dẫn đề cập tại mục 2.1 (a) cũng phải được cung cấp bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của WTO.</p> <p>2.3 Khuyến khích các Thành viên cung cấp thêm các thông tin liên quan đến thương mại qua mạng internet, bao gồm cả vấn đề pháp lý liên quan đến thương mại và các nội dung khác nêu tại khoản 1.1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 28 quy định các nội dung bắt buộc phải có trên Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và phải cho phép truy cập miễn phí, trong đó có: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan; + <u>Quy trình, thủ tục hành chính</u> được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của <u>người chịu trách nhiệm</u> trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính; + Danh mục <u>địa chỉ thư điện tử</u> chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền <p>Luật tuyên truyền, phổ biến pháp luật 2012</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13 quy định về đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử <p>Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 17 quy định thủ tục hành chính phải được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, 	<ol style="list-style-type: none"> 2. Hiện chưa có quy định nào về việc đăng tải qua mạng các nội dung sau đây mà Khoản 2 yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> - “Bản hướng dẫn” (được hiểu là bản giải thích theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu và thực tiễn hơn so với quy định liên quan trong văn bản pháp luật) về các thủ tục hải quan. - Tờ khai, chứng từ (được hiểu là các biểu mẫu) <p>Trên thực tế trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam, một số Cục hải quan địa phương có đăng tải hướng dẫn này (ví dụ Hải quan TP HCM). Tuy nhiên do đây chưa phải thông tin bắt buộc đăng tải theo quy định của một văn bản pháp luật nào nên việc thực hiện tùy thuộc từng đơn vị.</p> 3. Hiện chưa có quy định nào về công khai trên mạng thông tin liên hệ của các điểm giải đáp. <p>Trên thực tế một số trang tin điện tử của Hải quan Việt Nam và Hải quan một số địa phương có mục Hỏi – đáp, Tư vấn với chức năng gần tương tự như điểm giải pháp.</p> 4. Hiện chưa có quy định nào về việc cung cấp các văn bản bằng tiếng nước ngoài. <p>Trên thực tế trên trang tin điện tử của Hải quan Việt Nam, Hải quan một số địa phương có đăng bản tiếng</p>
---	---	--

	<p>đăng tải trên Công thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan ban hành và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Các văn bản hướng dẫn/khác có quy định chi tiết về cách thức công khai thông tin liên quan trên trang thông tin điện tử, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 43/2011/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước - Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp - Thông tư 24/2011/BTTTT quy định về việc tạo lập sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước 	<p>Anh, tiếng Trung...</p> <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Liên quan tới thực hiện Khoản 2.1 Điều 1 TFA: <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 63/2010/NĐ-CP để quy định chi tiết về nội dung phải đăng tải khi công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử, trong đó có các biểu mẫu, các loại chứng từ cần thiết để làm thủ tục hành chính và điểm hỏi đáp.</p> 2. Liên quan tới thực hiện Khoản 2.2 Điều 1 TFA: <p>Dù đây không phải nghĩa vụ bắt buộc (chỉ phải thực hiện “khi điều kiện có thể thực hiện được”) nhưng đây là việc cần thiết, hữu ích và khả thi (đã đang được thực hiện đối với một số văn bản).</p> <p>Vì vậy, đề nghị xây dựng mới <i>01 Nghị định về công khai thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan</i>, trong đó có 01 điều khoản về công khai thông tin trên mạng với quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu bắt buộc dịch các văn bản có chứa các nội dung như liệt kê tại Khoản 2.1 sang tiếng Anh; - Yêu cầu bắt buộc về việc công khai thông tin về các điểm giải đáp </p> 3. Liên quan tới thực hiện Khoản 2.3
--	---	--

		<p>Điều 1 TFA:</p> <p>Pháp luật Việt Nam đã tương thích hoàn toàn, không cần bổ sung, điều chỉnh gì thêm</p>
<p>3. Điểm giải đáp</p> <p>3.1 Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi nguồn lực có sẵn, thiết lập hoặc duy trì một hoặc nhiều đầu mối giải đáp thông tin để trả lời các câu hỏi hợp lý của các chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan về các vấn đề được nêu tại khoản 1.1 và cung cấp các mẫu tờ khai và chứng từ theo yêu cầu nêu tại mục 1.1 (a).</p> <p>3.2 Các Thành viên của một liên minh hải quan hoặc Thành viên tham gia vào thoả thuận hội nhập khu vực có thể thiết lập hoặc duy trì các điểm giải đáp chung ở cấp khu vực để đáp ứng yêu cầu về các thủ tục chung nêu tại khoản 3.1.</p> <p>3.3 Khuyến khích các Thành viên không yêu cầu thu phí đối với việc trả lời các câu hỏi và cung cấp các mẫu tờ khai và chứng từ theo yêu cầu. Nếu có, các Thành viên phải hạn chế số phí và lệ phí không quá với chi phí dịch vụ tương ứng bỏ ra.</p> <p>3.4. Các điểm giải đáp phải trả lời các câu hỏi và cung cấp các mẫu tờ khai và chứng từ trong một thời hạn hợp lý do mỗi Thành viên quy định, thời hạn có thể khác nhau phụ thuộc vào nội dung hoặc mức độ phức tạp của yêu cầu.</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 19.2 quy định nghĩa vụ của công chức hải quan là “hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu” <p>Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 10 có quy định về việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua các hình thức văn bản, mạng, trực tiếp, điện thoại. <p>Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế</p> <p>(chú ý văn bản này không phải là văn bản pháp luật, chỉ là văn bản điều hành, có hiệu lực nội bộ)</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN hiện chưa có VBQPPL nào quy định cụ thể về việc thiết lập, duy trì các đầu mối giải đáp pháp luật về 11 vấn đề nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 TFA. <p>Các văn bản hiện tại có thể đã có quy định điểm giải đáp nhưng so với yêu cầu của TFA thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng yêu cầu: chỉ giới hạn ở doanh nghiệp, tổ chức cá nhân làm thủ tục hải quan là chủ yếu - Phạm vi giải đáp: Tất cả các lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp (không chuyên sâu vào các nội dung tại Khoản 1.1) - Hình thức giải đáp: Không có đầu mối cụ thể nào. <ol style="list-style-type: none"> 2. Trên thực tế đã việc tổ chức giải đáp pháp luật về hải quan và các nội dung liên quan đã được thực hiện dưới nhiều dạng khác nhau, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> - Mục tư vấn trên các trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam và Hải quan các địa phương - Các đầu mối, tổ giải đáp, tư vấn hải quan cho doanh nghiệp, tổ chức, cá

nhân của ngành Hải quan (theo văn bản hướng dẫn của ngành)

Tất cả các hình thức tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin qua các đầu mối này đều được thực hiện miễn phí.

3. Ở các cơ quan chuyên môn có nội dung quản lý về xuất nhập khẩu đối với các loại hàng hóa cụ thể cũng có một số đầu mối giải đáp (phổ biến là các Mục Tư vấn, Hỏi-đáp trên trang thông tin điện tử chính thức của Bộ).

Tuy nhiên, cũng tương tự như trường hợp của Hải quan, các đầu mối giải đáp này không dựa trên các quy định tại văn bản pháp luật chính thức mà chủ yếu là theo văn bản quản lý nội bộ, thực hiện chương trình cải cách thủ tục hành chính của Bộ. Trong nhiều trường hợp các điểm giải đáp này là giải đáp chung về tất cả các vấn đề thuộc chức năng quản lý của Bộ (chứ không chuyên sâu về các vấn đề của xuất nhập khẩu hàng hóa mà Bộ quản lý).

Đề xuất

1. Để tăng tính hiệu lực, ổn định và thống nhất và chuyên sâu trong hoạt động của các điểm giải đáp đang tồn tại, cũng để đáp ứng yêu cầu nội tại của chính Việt Nam, có lẽ nên pháp điển hóa thực tiễn này bằng một quy định pháp luật có giá trị pháp lý cao

hơn, ít nhất trong lĩnh vực hải quan.

Vì vậy, đề nghị xây dựng mới 01 Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan, trong đó có 01 điều khoản về điểm giải đáp với quy định:

- Bắt buộc thiết lập đầu mối giải đáp thông tin tại mỗi Cục, Chi cục hải quan địa phương
- Chức năng của các đầu mối giải đáp thông tin này bao gồm ít nhất bao gồm các nội dung như tại Khoản 3.1 Điều 1 FTA này; khuyến nghị nên mở rộng chức năng của các đầu mối giải đáp này để không chỉ bao gồm việc giải đáp mà còn cả việc cung cấp thường xuyên, cập nhật các thông tin yêu cầu tại Khoản 1.1 Điều 1 TFA (để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đầu mối thông tin tổng hợp, không phải đi tìm kiếm thông tin ở từng địa điểm riêng lẻ khác, dù rằng ở các địa điểm đó các thông tin này vẫn được công khai);
- Các Bộ, Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp giải đáp các vấn đề liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu của hàng hóa thuộc lĩnh vực chuyên ngành của mình với Đầu mối giải đáp đặt tại các Cục, Chi cục hải quan.

(Đây là lý do chủ yếu của việc phải xây dựng văn bản dưới dạng Nghị

		định của Chính phủ chứ không phải Thông tư của Bộ Tài chính)
<p>4. Thông báo</p> <p>Mỗi Thành viên phải thông báo cho Ủy ban về Tạo thuận lợi thương mại thành lập theo khoản 1.1 Điều 23 (đề cập trong Hiệp định này như "Ủy ban") về:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) (các) địa điểm nơi các nội dung trong mục từ 1.1(a) to (j) đã được công bố; (b) các đường dẫn URLs của (các) trang mạng nêu tại khoản 2.1; và (c) thông tin đầu mối của các điểm giải đáp nêu tại khoản 3.1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện chưa có quy định nào về một đầu mối tập hợp và thông tin về tất cả các địa điểm nơi công bố thông tin và các địa chỉ trang thông tin điện tử về các nội dung yêu cầu - Hiện chưa có quy định pháp luật đầu mối giải đáp chuyên sâu và tổng hợp về các nội dung yêu cầu - Một số quy định rải rác về chức năng cung cấp thông tin, giải đáp của một số đơn vị (ví dụ Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Công báo, các trang thông tin điện tử của các Bộ ngành...) chưa đáp ứng được yêu cầu cụ thể này bởi <ul style="list-style-type: none"> + Các loại thông tin mà các đơn vị này phải cung cấp không chuyên sâu vào các nội dung yêu cầu + Các đơn vị này chỉ cung cấp các thông tin mình có, không cung cấp thông tin về các địa điểm, địa chỉ khác. 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong cả pháp luật lẫn thực tiễn Việt Nam đều chưa có cơ quan/tổ chức/đơn vị nào có trách nhiệm hay thực tế đã thực hiện tập hợp đầy đủ các địa chỉ nơi cung cấp các thông tin (cả địa điểm thực tế lẫn trang thông tin điện tử) vì vậy hiện chưa xác định được đơn vị nào sẵn sàng để triển khai chức năng thông báo này cho Ủy ban về Tạo thuận lợi thương mại. 2. Hiện Việt Nam chưa có các đầu mối giải đáp tập trung, chuyên sâu về các nội dung yêu cầu; do đó chưa thể thông báo danh sách các đầu mối giải đáp này cho Ủy ban. <p>Đề xuất:</p> <p>Trong <i>Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan</i> đề xuất soạn thảo mới, đề nghị có 01 Điều khoản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm tổng hợp, công khai và thông báo cho Ủy ban danh sách các địa điểm, trang thông tin điện tử, đầu mối giải đáp về tất cả các nội dung yêu cầu (gọi chung là thủ tục hải quan): Nội dung nhiệm vụ và đơn vị chịu trách nhiệm - Đơn vị chịu trách nhiệm cho việc này: Lý tưởng là một đơn vị của

		<p>Tổng Cục Hải quan với khả năng tập hợp thông tin theo ngành dọc (các Đầu mối giải đáp và cung cấp thông tin đã được thiết lập theo đề xuất về thiết lập đầu mối giải đáp đối với Khoản 3.1 Điều 1) và ngang (khả năng yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm tổng hợp, công khai và báo cáo về các địa điểm, trang thông tin điện tử, đầu mối giải đáp về thủ tục hải quan chuyên ngành của các Bộ ngành cho Đơn vị chịu trách nhiệm nói trên.
<p>ĐIỀU 2: CƠ HỘI GÓP Ý, THÔNG TIN TRƯỚC THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ THAM VẤN</p>		
<p>1 Cơ hội góp ý và thông tin trước thời hạn hiệu lực</p> <p>1.1. Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể và một cách phù hợp với luật và hệ thống pháp lý trong nước, cung cấp cơ hội và thời hạn hợp lý cho các doanh nghiệp và các bên liên quan tham gia ý kiến đối với việc ban hành mới hoặc sửa đổi luật và các qui định có giá trị áp dụng chung về di chuyển, giải phóng và thông quan hàng hóa, bao gồm cả hàng hoá quá cảnh.</p> <p>1.2 Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể và một cách phù hợp với luật và hệ thống pháp lý trong nước, đảm bảo rằng luật và các qui định mới hoặc sửa đổi có giá trị áp dụng chung về việc di</p>	<p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) 2008</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điều 4 quy định về quyền tham gia góp ý của người dân</i> + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên, tổ chức khác, cá nhân <u>có quyền tham gia góp ý kiến về dự thảo VBQPPL</u> + Trong quá trình xây dựng VBQPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo phải <u>tạo điều kiện</u> để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia góp ý kiến về dự thảo văn bản; <u>tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động</u> trực 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quy định liên quan tới thủ tục hải quan hiện đều thuộc nhóm quy phạm pháp luật có giá trị áp dụng chung và được quy định trong các văn bản QPPL. <p>Các văn bản này trong quá trình dự thảo (không quan trọng là ban hành mới hay sửa đổi) đều phải lấy ý kiến đối tượng chịu tác động (doanh nghiệp, bên liên quan) trong thời hạn 60 ngày.</p> <p>Các văn bản này đều phải được đăng công báo và thời điểm đăng công báo tổng cộng muộn nhất khoảng 17 ngày sau khi ký, còn thời điểm có hiệu lực thì sau đó khoảng 1 tháng.</p> <p>Các quy định về quy trình soạn thảo</p>

chuyên, giải phóng và thông quan hàng hóa, bao gồm cả hàng hoá quá cảnh, được công bố hoặc thông tin về hàng hóa công bố công khai theo cách khác, sớm nhất có thể trước khi quy định đó có hiệu lực, để các doanh nghiệp và các bên liên quan có thể nắm được các thông tin này.

1.3 Sự thay đổi thuế suất và lệ phí, cũng như các biện pháp quy định trách nhiệm giảm nhẹ hơn, hoặc các biện pháp mà hiệu quả của nó có thể bị giảm nếu thông báo trước, các biện pháp áp dụng trong hoàn cảnh khẩn cấp, hoặc những thay đổi nhỏ của luật và hệ thống pháp lý trong nước được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng của các khoản 1.1 và 1.2.

tiếp của văn bản

+ Ý kiến tham gia về dự thảo phải được ngiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo.

- *Điều 78 về thời điểm có hiệu lực của VBQPPL*

+ Thời điểm có hiệu lực của VBQPPL được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn 45 ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

+ VBQPPL phải được đăng Công báo; văn bản quy phạm pháp luật không đăng Công báo thì không có hiệu lực thi hành

- *Các Điều khác* quy định cụ thể về việc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động đối với các VBQPPL theo đó:

+ Dự thảo phải được công khai lấy ý kiến trên web hoặc qua các hình thức khác

+ Thời hạn lấy ý kiến là 60 ngày

Nghị định 24/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật BHVBQPPL

- *Điều 27* quy định đối với các dự thảo VBQPPL có liên quan tới doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh thì buộc phải gửi lấy ý kiến

rút gọn (không đáp ứng đủ các yêu cầu về lấy ý kiến đối tượng tác động) cũng phù hợp với loại trừ tại Khoản 1.3 Điều 2 TFA.

Vì vậy, Việt Nam đã đáp ứng đủ yêu cầu của TFA.

2. Trên thực tế, việc lấy ý kiến doanh nghiệp và các bên liên quan trong quá trình soạn thảo VBQPPL của Việt Nam còn một số hạn chế làm ảnh hưởng tới hiệu quả thực chất của việc tham vấn, ví dụ:

- Dự thảo lấy ý kiến thường không phải dự thảo (gần) cuối cùng, và vì vậy nhiều trường hợp văn bản ban hành có nội dung khác biệt lớn với bản đưa ra lấy ý kiến

- Thời hạn lấy ý kiến (đặc biệt là theo đường Công văn) thường rất ngắn, không đáp ứng đúng yêu cầu;

- Chưa có cơ chế nào ràng buộc các cơ quan soạn thảo phản hồi hay giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, điều này khiến người góp ý không thể theo dõi về hiệu quả ý kiến góp ý.

Các nội dung này không nằm trong yêu cầu của Khoản 1.1 và khoản 1.2 nhưng là cần thiết để thực hiện các yêu cầu này một cách thực chất.

Đề xuất

1. VN đã đáp ứng yêu cầu của TFA

	<p>doanh nghiệp thông qua Phòng Thương mại và Công nghiệp VN trong 20 ngày làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Điều khác quy định cụ thể về việc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động đối với từng loại văn bản 	<p>Tuy nhiên, để tăng hiệu quả thực chất của quy định này, phù hợp với yêu cầu thực tế nội địa của Việt Nam, đề nghị bổ sung thêm các quy định cụ thể sau vào Dự thảo Luật BHVBQPPL sửa đổi (hiện đang được xây dựng, sẽ thông qua tại Kỳ họp Quốc hội tháng 6/2015):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu cơ quan soạn thảo lấy ý kiến/công khai Dự thảo cuối cùng - Yêu cầu cơ quan soạn thảo lấy ý kiến doanh nghiệp, đối tượng liên quan đối với cả quá trình xây dựng chính sách cho dự thảo VBPL - Cách thức, thời hạn phản hồi các ý kiến góp ý. <p>2. Quá trình triển khai thực thi Luật BHVBQPPL cần chú ý có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc các quy định về lấy ý kiến doanh nghiệp và các đối tượng liên quan (với đầu mối giám sát là Bộ Tư pháp).</p>
<p>2. Tham vấn</p> <p>Mỗi Thành viên phải, một cách phù hợp, tổ chức tham vấn định kỳ giữa các cơ quan quản lý biên giới với doanh nghiệp hoặc các bên có liên quan khác trong lãnh thổ của mình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật hiện hành không có quy định trực tiếp nào về việc tham vấn định kỳ giữa các cơ quan quản lý biên giới (gọi chung là hải quan cửa khẩu) với doanh nghiệp và các đối tượng liên quan; - Các quy định pháp luật hiện hành chỉ có đề cập tới các cơ chế/hình thức trao đổi, cung cấp thông tin thường xuyên 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định về hình thức tham vấn định kỳ giữa cơ quan biên giới với doanh nghiệp và các đối tượng liên quan. 2. Thực tế Cơ quan Hải quan (Tổng cục hải quan, Bộ Tài chính) đã tổ chức các Hội nghị tham vấn định kỳ hàng năm với cộng đồng doanh nghiệp từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, so với yêu cầu trong Khoản 2 Điều 2 TFA

	<p>và theo vụ việc giữa cơ quan hải quan nói chung với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, ví dụ:</p> <p>+ Luật tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật 2013 và các văn bản hướng dẫn;</p> <p>+ Các văn bản nội bộ của ngành hải quan (Quyết định 1915/2007/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 ban hành quy chế tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế; Quyết định 78/2007/QĐ-BTC ngày 18/9/2007 quy chế hướng dẫn giải đáp vướng mắc về chính sách thuế, quản lý thuế và giải quyết các thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa....)</p>	<p>thì thực tiễn này chưa đáp ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về cơ quan tham vấn: Chỉ là Cơ quan Hải quan chung, không phải các cơ quan tại biên giới (hải quan từng cửa khẩu) - Về hình thức tham vấn: Tham vấn 1 năm 1 lần có thể là quá ít so với những vấn đề phát sinh trong thực tế hoạt động hải quan (dù Khoản 2 không nêu rõ “định kỳ” là bao lâu). - Mặc dù Khoản 2 Điều 2 TFA không yêu cầu cụ thể về việc từng cơ quan biên giới (ở mỗi cửa khẩu) phải tổ chức tham vấn riêng với doanh nghiệp hay tất cả các cơ quan biên giới (dưới điều hành chung của Tổng cục hải quan) nhưng việc tổ chức tham vấn như yêu cầu tại khoản 2 chỉ thực chất và có ý nghĩa nếu là tham vấn tổ chức định kỳ giữa hải quan từng cửa khẩu với doanh nghiệp, đối tượng liên quan tại cửa khẩu đó bởi: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi cửa khẩu có vấn đề riêng của mình + Các doanh nghiệp gặp những vướng mắc riêng ở mỗi cửa khẩu. <p>Đề xuất</p> <p>Trong Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan đề xuất soạn thảo mới, đề nghị có 01 Điều khoản về:</p>
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế tham vấn, đối thoại định kỳ 6 tháng một lần giữa các cơ quan biên giới từng cửa khẩu với doanh nghiệp và các đối tượng liên quan - Về đơn vị có trách nhiệm: các cơ quan biên giới tại mỗi cửa khẩu đều có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc tham vấn định kỳ này với đầu mối là cơ quan hải quan cửa khẩu.
<p>ĐIỀU 3: QUY ĐỊNH VỀ XÁC ĐỊNH TRƯỚC</p> <p>1. Mỗi Thành viên phải ban hành một xác định trước trong thời hạn nhất định và hợp lý cho người nộp đơn đã gửi yêu cầu bằng văn bản với tất cả các thông tin cần thiết trong đó. Nếu một Thành viên từ chối ban hành một xác định trước, cần lập tức thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản, chỉ ra các dữ kiện liên quan và căn cứ ra quyết định từ chối của mình.</p> <p>2. Một Thành viên có thể từ chối ban hành một xác định trước cho người nộp đơn khi vấn đề đưa ra trong đơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) đang chờ cơ quan chính phủ, tòa án hay trình tự phúc thẩm nào xử lý; hoặc (b) đã được bất kỳ tòa án hay trình tự phúc thẩm nào quyết định. <p>3. Xác định trước phải có hiệu lực trong thời hạn hợp lý sau khi ban hành trừ khi luật, các dữ kiện hoặc các tình huống hỗ trợ cho việc ban hành xác định</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 4.26 định nghĩa: <i>Xác định trước</i> mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là việc cơ quan hải quan <u>xác định mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của hàng hóa trước khi làm thủ tục hải quan</u> <p>Điều 14.16 định nghĩa <i>Người khai hải quan</i> bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 18.1 và 18.2: Người khai hải quan có <u>quyền “Yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa khi đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho cơ quan hải quan;”</u> và có nghĩa 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Hải quan 2014 và Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn đã được xây dựng phù hợp với quy định tại Điều 3 TFA về: <ul style="list-style-type: none"> - Việc đưa ra xác định trước, từ chối xác định trước - Phạm vi xác định trước: không chỉ là 02 vấn đề bắt buộc theo Điểm a Khoản 9 Điều 3 TFA mà cả 01 vấn đề được khuyến khích theo Điểm b Khoản này - Thời hạn có hiệu lực của xác định trước - Các trường hợp hủy, thu hồi xác định trước - Tính ràng buộc (hiệu lực) của xác định trước - Công bố (không quy định trong Luật Hải quan mà là theo các văn bản về công bố, công khai các VBQPPL) - Thủ tục khiếu nại (rà soát lại)

<p>trước đó đã thay đổi.</p> <p>4. Khi Thành viên thu hồi, sửa đổi hoặc quyết định vô hiệu hóa xác định trước, cơ quan này phải ban hành thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn với các dữ liệu liên quan và căn cứ cho quyết định của mình. Thành viên chỉ có thể quyết định thu hồi, sửa đổi hoặc vô hiệu hóa xác định trước với hiệu lực hồi tố trong trường hợp kết quả xác định trước dựa trên các thông tin không đầy đủ, không chính xác, sai hoặc nhầm lẫn.</p> <p>5. Xác định trước do Thành viên ban hành phải có hiệu lực ràng buộc Thành viên đó đối với người nộp đơn đề nghị cấp văn bản này. Thành viên có thể qui định văn bản xác định trước có giá trị ràng buộc đối với người nộp đơn.</p> <p>6. Mỗi Thành viên phải công bố, ít nhất là:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) các yêu cầu đối với đơn đề nghị xác định trước, bao gồm cả thông tin được cung cấp và hình thức đơn; (b) thời hạn ban hành xác định trước; và (c) thời hạn xác định trước có hiệu lực. <p>7. Trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của người nộp đơn, mỗi Thành viên phải rà soát lại kết quả xác định trước hoặc</p>	<p>vụ cung cấp thông tin chính xác để hải quan thực hiện việc này</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 28. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi xác định trước: phân loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, trị giá hải quan + Thông tin cần cung cấp: thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tài liệu kỹ thuật + Kết quả xác định trước được thông báo bằng văn bản, nếu không xác định trước được thì cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ liên quan + Quyền khiếu nại về kết quả xác định trước trong vòng 60 ngày đến cơ quan hải quan đã cấp + Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu. <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không có hạn chế nào về người nộp đơn nước ngoài - Từ chối ban hành quyết định xác định trước - Sửa đổi, chấm dứt hiệu lực quyết định xác định trước <p>2. Một số quy định trong pháp luật hải quan chưa thực sự khớp với TFA nhưng trước mắt chưa gây vấn đề gì lớn trong thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa về <i>xác định trước</i> trong Luật Hải quan chưa thực sự rõ ý như trong Khoản 9.a Điều 3 TFA (chưa đề cập tới mục tiêu của xác định trước: “chỉ ra cách xử lý của Hải quan”) - Giới hạn về người có quyền nộp đơn theo pháp luật VN mặc dù được liệt kê dài hơn trong Khoản 9c Điều 3 TFA nhưng thực chất là hạn chế hơn bởi danh sách trong Luật Hải quan là danh sách đóng, còn trong TFA là mở “bất kỳ người nào có lý do chính đáng” <p>Đề xuất Khi sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP thì xem xét sửa đổi quy định về</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng diện chủ thể có quyền nộp đơn - Mở rộng định nghĩa về xác định
--	--	--

<p>quyết định thu hồi, sửa đổi hoặc vô hiệu kết quả xác định trước.²</p> <p>8. Mỗi Thành viên phải cố gắng công bố thông tin về xác định trước được nhiều bên liên quan khác quan tâm, song phải tính tới sự cần thiết bảo vệ thông tin thương mại bí mật.</p> <p>9. Định nghĩa và phạm vi:</p> <p>(a) Xác định trước là một quyết định bằng văn bản của một Thành viên dành cho một người nộp đơn trước khi nhập khẩu hàng hóa trong đó chỉ ra cách xử lý của Thành viên với hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu về:</p> <p>(i) phân loại thuế quan hàng hóa; và</p> <p>(ii) xuất xứ hàng hóa.³</p> <p>(b) Ngoài các xác định trước được nêu tại mục (a), khuyến khích các Thành viên qui định xác định trước về:</p> <p>(i) phương pháp hoặc các tiêu chí phù hợp, và việc áp dụng phương pháp và các tiêu chí này, được sử dụng đối với việc xác định trị giá hải quan dựa</p>	<p>định chi tiết Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 24.1: điều kiện xác định trước là trước khi làm thủ tục hải quan - Điều 24.3: thời hạn xác định trước là 30 ngày, trường hợp phức tạp là 60 ngày - Điều 24.5: thời hạn giải quyết khiếu nại: 10 ngày, trường hợp phức tạp là 30 ngày làm việc - Điều 24.6: <ul style="list-style-type: none"> + hiệu lực văn bản xác định trước là 3 năm; + các trường hợp sửa đổi, bổ sung thay thế, chấm dứt hiệu lực xác định trước <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định chi tiết về thủ tục, điều kiện xác định trước (đối với 03 vấn đề: phân loại thuế quan, xuất xứ hàng hóa và trị 	<p>trước</p>
--	--	--------------

²Theo khoản này: (a) Việc rà soát có thể, trước hoặc sau khi kết quả xác định trước được thực thi, được thực hiện bởi cán bộ, hoặc cơ quan ban hành xác định trước, một cơ quan hành chính cao hơn hoặc độc lập, hoặc một cơ quan tư pháp; và (b) Thành viên không được yêu cầu cung cấp cho người nộp đơn có quyền truy đòi theo Khoản 1 Điều 4.

³Điều này được hiểu rằng một xác định trước về xuất xứ của một hàng hóa có thể là một đánh giá xuất xứ đối với các mục đích của Hiệp định về Quy tắc xuất xứ tại đó xác định trước đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định này và Hiệp định về Quy tắc xuất xứ. Tương tự như vậy, việc đánh giá xuất xứ theo Hiệp định về Quy tắc xuất xứ có thể là một xác định trước về xuất xứ của hàng hóa đối với các mục đích của Hiệp định khi việc xác định này đáp ứng các yêu cầu của cả hai Hiệp định. Các Thành viên không cần phải xây dựng các Hiệp định riêng biệt theo qui định này ngoài những qui định thiết lập theo Hiệp định về Quy tắc Xuất xứ liên quan đến việc đánh giá xuất xứ qui định rằng các yêu cầu của Điều này được thực hiện.

<p>trên các bộ dữ kiện cụ thể;</p> <p>(ii) khả năng áp dụng các yêu cầu của Thành viên đối với việc giảm hoặc miễn thuế hải quan;</p> <p>(iii) việc áp dụng các yêu cầu của Thành viên đối với hạn ngạch, bao gồm hạn ngạch thuế quan; và</p> <p>(iv) các vấn đề khác mà một Thành viên cho là phù hợp để ban hành xác định trước.</p> <p>(c) Người nộp đơn là nhà xuất khẩu, nhập khẩu hoặc bất kỳ người nào với lý do chính đáng hoặc đại diện của họ.</p> <p>(d) Một Thành viên có thể yêu cầu người nộp đơn có đại diện pháp lý hoặc đăng ký pháp lý trong lãnh thổ của mình. Trong phạm vi có thể, các yêu cầu đó không hạn chế các loại hình cá nhân đủ điều kiện áp dụng các xác định trước, với việc xem xét cụ thể đối với nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những yêu cầu này phải rõ ràng và minh bạch và không được coi là phương tiện phân biệt đối xử một cách tùy tiện.</p>	<p>giá hải quan)</p>	
<p>ĐIỀU 4: CÁC THỦ TỤC KHIẾU NẠI HOẶC KHIẾU KIỆN</p> <p>1. Mỗi Thành viên phải qui định rằng</p>	<p>Luật khiếu nại 2011</p> <p>- Điều 7. Trình tự khiếu nại</p>	<p>Đánh giá</p> <p>1. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có</p>

bất kỳ người nào theo đó cơ quan hải quan ban hành một quyết định hành chính⁴ có quyền, trong lãnh thổ của mình, đối với:

(a) một khiếu nại hoặc khiếu kiện hành chính đến một cơ quan hành chính có thẩm quyền cao hơn hoặc độc lập với cán bộ hoặc cơ quan đã ban hành quyết định;

và/hoặc

(b) một khiếu nại hoặc khiếu kiện tư pháp đối với một quyết định.

2. Luật pháp mỗi Thành viên có thể yêu cầu khiếu nại hoặc khiếu kiện hành chính được thực hiện trước khi khiếu nại hoặc khiếu kiện tư pháp.

3. Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng các thủ tục khiếu nại hoặc khiếu kiện được thực hiện theo cách thức không phân biệt đối xử.

4. Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng, trong trường hợp quyết định về khiếu nại hoặc khiếu kiện theo mục 1(a) không được ban hành:

(a) trong thời hạn như đã qui định trong luật hoặc các qui định của khoản này; hoặc

+ người khiếu nại *khiếu nại lần đầu* đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Trường hợp người khiếu nại *không đồng ý* với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Trường hợp người khiếu nại *không đồng ý* với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- **Điều 9** quy định thời hiệu

quy định phù hợp với các yêu cầu tại Điều 4 TFA về:

- Quyền khiếu nại hành chính nhiều lần, theo các cấp, khi người chịu tác động của quyết định hành chính không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại hoặc khi quá thời hạn quy định
 - Quyền khởi kiện tư pháp
 - Thủ tục khiếu nại áp dụng cho mọi cơ quan, bao gồm cả cơ quan hải quan và các cơ quan tại biên giới khác
2. Pháp luật hiện hành còn chưa đáp ứng các yêu cầu của Điều 4 TFA về Quyết định hành chính phải nêu rõ căn cứ (để làm cơ sở khiếu nại, khiếu kiện nếu có)
 3. Pháp luật Việt Nam thậm chí còn đi xa hơn TFA, cho phép khiếu kiện tư pháp ngay ở bước đầu tiên (không bắt buộc phải qua bước khiếu nại hành chính trước đó)
 4. Pháp luật hiện hành mặc dù có một số điểm sau đây chưa thực sự bám sát yêu cầu của Điều 4 TFA nhưng chấp nhận được:
 - Quyền khiếu nại tiếp trong trường hợp quyết định hành chính “bị trì hoãn một cách vô lý” (dù vẫn đảm

⁴Quyết định hành chính trong Điều này là một quyết định với hiệu lực pháp lý có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của một người cụ thể trong một trường hợp cụ thể. Cần hiểu rằng quyết định hành chính theo Điều này bao gồm một hành vi hành chính theo nghĩa của Điều X của hiệp định GATT 1994 hoặc khi có sai sót quyết định hành chính được qui định trong luật và hệ thống pháp lý trong nước của mỗi Thành viên. Để xử lý các sai sót đó, một Thành viên có thể duy trì một cơ chế hành chính hoặc tư pháp thay thế để chỉ đạo cơ quan Hải quan kịp thời ban hành một quyết định hành chính thay vì quyền khiếu nại hoặc rà soát theo điểm 1.1 (a).

<p>(b) không bị trì hoãn vô lý người khởi kiện có quyền khiếu nại hoặc khiếu kiện tiếp tới cơ quan hành chính hoặc cơ quan tư pháp hoặc kiện ra cơ quan tư pháp cấp cao hơn.⁵</p> <p>5. Mỗi Thành viên phải đảm bảo cung cấp cho người đề cập tại khoản 1 được cung cấp lý do của quyết định hành chính để người đó có thể viện đến thủ tục khiếu nại hoặc khiếu kiện khi cần thiết.</p> <p>6. Khuyến khích Thành viên thực hiện các qui định của Điều này áp dụng đối với một quyết định hành chính của cơ quan biên giới khác có liên quan đến hải quan.</p>	<p><u>khiếu nại là 90 ngày</u>kể từ ngày nhận được hoặc biết về quyết định hành chính (trừ một số trường hợp bất khả kháng không tính vào thời hiệu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thời hạn cho việc khiếu nại được quy định trong các Điều khoản cụ thể theo từng bước của khiếu nại <p>Các văn bản hướng dẫn Luật Khiếu nại quy định chi tiết các nội dung liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 75/2012/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại - Thông tư 07/2013/TT-TTCP về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính <p>Một số văn bản khác trong lĩnh vực xuất nhập khẩu – hải quan có quy định về khiếu nại, với các nội dung dẫn chiếu tới quy định của Luật Khiếu nại, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hải quan 2014 - Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 - Luật quản lý thuế <p>Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính Điều 17 quy định</p>	<p>bảo thời hạn quy định)</p> <p>Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì không trường hợp nào có thể được trì hoãn ngoài các thời hạn (bao gồm cả gia hạn) cho phép cả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có thời hạn cho việc khiếu nại hành chính <p>Để đảm bảo tính ổn định của các quan hệ xã hội nói chung và quan hệ hành chính nói riêng, việc quy định thời hạn khiếu nại là cần thiết. Không chỉ trong các khiếu nại hành chính, trong cả các khiếu kiện hình sự, dân sự đều phải có thời hạn.</p> <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật hiện tại đã đáp ứng phần lớn yêu cầu tại Điều 4 TFA, vì vậy không cần điều chỉnh thêm. Chỉ phải chú ý đảm bảo việc thi hành hiệu quả các quy định này. 2. Giữ quy định về việc quyết định hành chính phải nêu rõ căn cứ pháp luật và thực tiễn trong Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính
---	---	---

⁵Khoản này không ngăn cản Thành viên công nhận sự im lặng hành chính về khiếu nại hoặc khiếu kiện như là một quyết định có lợi cho người khởi kiện theo qui định của luật và các qui định của mình.

	Quyết định hành chính phải nêu rõ căn cứ pháp lý – thực tiễn của việc ban hành quyết định hành chính.	
ĐIỀU 5: CÁC BIỆN PHÁP KHÁC ĐỂ TĂNG CƯỜNG CÔNG BẰNG, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ TÍNH MINH BẠCH		
<p>1. Thông báo để tăng cường kiểm soát hoặc kiểm tra</p> <p>Khi Thành viên áp dụng hoặc duy trì một hệ thống ban hành thông báo hoặc hướng dẫn cho các cơ quan có liên quan để tăng cường mức độ kiểm soát và kiểm tra tại cửa khẩu đối với các loại thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn chăn nuôi để cập trong thông báo hoặc hướng dẫn để bảo vệ cuộc sống và sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật trong phạm vi lãnh thổ của mình, các nguyên tắc sau đây sẽ áp dụng đối với cách thức phát hành, chấm dứt hoặc đình chỉ:</p> <p>(a) mỗi Thành viên có thể, một cách phù hợp, ban hành thông báo hoặc hướng dẫn dựa trên rủi ro;</p> <p>(b) mỗi Thành viên có thể ban hành thông báo hoặc hướng dẫn để Thành viên đó chỉ áp dụng tại các cửa khẩu nơi các điều kiện vệ sinh và kiểm dịch thực vật trong thông báo hoặc hướng dẫn được áp dụng;</p> <p>(c) mỗi Thành viên phải nhanh chóng chấm dứt hoặc thu hồi</p>	<p>Luật An toàn thực phẩm 2012 và VB hướng dẫn không có quy định nào về tăng cường kiểm soát tại biên giới đối với thực phẩm, đồ uống thuộc phạm vi khoản 1 Điều 5 TFA.</p> <p>Thông tư 13/2011/TT-BNNPTNT (sửa đổi bởi Thông tư 05/2013/TT-BNNPTNT) về kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 14 quy định về phương thức kiểm tra chặt và các căn cứ kiểm tra chặt (đánh giá rủi ro dựa trên tần suất vi phạm); - Điều 27, 28 quy định nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền trong thông báo về phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng liên quan hoặc hàng hóa của quốc gia vi phạm nghiêm trọng quy định an toàn thực phẩm; tuy nhiên không có quy định về việc thông báo dừng kiểm tra chặt (Điều 14 chỉ quy định 	<p>Đánh giá</p> <p>1. Pháp luật Việt Nam hiện chỉ quy định về các trường hợp tăng cường kiểm soát đối với <i>hàng hóa có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu</i>.</p> <p>Đối với các trường hợp này, hiện pháp luật VN đã đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 1 Điều 5 TFA về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tăng cường kiểm soát là dựa trên đánh giá nguy cơ rủi ro - Căn cứ để dừng việc tăng cường kiểm soát đã được nêu rõ <p>Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định rõ về thủ tục công bố/thông báo về việc rút lại biện pháp kiểm tra tăng cường (mà chỉ quy định về điều kiện rút lại).</p> <p>2. Pháp luật VN hiện không thấy có quy định về trường hợp tăng cường kiểm soát đối với các <i>sản phẩm thực phẩm nguồn gốc động vật, đồ uống và thức ăn chăn nuôi</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về mặt pháp lý, điều này được hiểu là VN không áp dụng biện pháp kiểm soát tăng cường đối với các

<p>thông báo hoặc hướng dẫn nếu các tình huống dẫn đến thông báo không còn tồn tại, hoặc nếu các tình huống đã thay đổi có thể được giải quyết theo cách ít hạn chế thương mại hơn; và</p> <p>(d) khi một Thành viên quyết định chấm dứt hoặc thu hồi các thông báo hoặc hướng dẫn, Thành viên đó phải, một cách phù hợp, kịp thời công bố việc chấm dứt hoặc thu hồi của mình theo cách thức không phân biệt đối xử và dễ tiếp cận, hoặc thông báo cho Thành viên nước xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu.</p>	<p>về điều kiện dừng kiểm tra chặt để chuyển sang kiểm tra thông thường).</p> <p>Thông tư 25/2010/TT-BNNPTNT (sửa đổi bởi Thông tư 51/2010/TT-BNNPTNT) hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu: Không có quy định về thủ tục kiểm soát tăng cường</p> <p>Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 35 quy định thực vật có nguy cơ cao bị tạm thời cấm nhập/xuất khẩu cho đến khi hết nguy cơ. <p>Tuy nhiên hiện chưa có Nghị định hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục cho hoạt động này cũng như giải thích rõ về các “nguy cơ”</p> <p>Pháp lệnh Thú y 2004 không quy định về trường hợp tăng cường kiểm soát tại biên giới</p> <p>Quyết định 15/2006/QĐ-BNN về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y: Không có quy định</p>	<p>trường hợp này. Và vì vậy VN được xem đã thỏa mãn các yêu cầu tại Khoản 1 Điều 5 TFA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy nhiên, từ góc độ thực tế, việc có các biện pháp kiểm soát tăng cường trong những hoàn cảnh đặc biệt, khi nguy cơ rủi ro tăng cao đối với các sản phẩm này có thể là cần thiết (đặc biệt đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu từ vùng đang có dịch). Vì vậy, có thể trong tương lai Việt Nam cần bổ sung các quy định về tăng cường kiểm soát đối với các sản phẩm này. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tư 05/2012/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư 13/2011/TT-BNNPTNT về hàng hóa là thực phẩm có nguồn gốc thực vật hiện đang trong quá trình sửa đổi, đề nghị bổ sung vào Dự thảo quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thông báo/công bố khi rút lại biện pháp kiểm soát tăng cường 2. Khi xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật cần chú ý bổ sung quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Các căn cứ áp dụng biện pháp tạm cấm xuất/nhập khẩu (Luật mới chỉ đề cập tới nguy cơ mà không rõ nội hàm và mức độ của nguy cơ) - Quy trình thông báo/công bố rút lại biện pháp tạm cấm xuất nhập khẩu
---	--	--

	<p>trường hợp tăng cường kiểm soát tại biên giới</p> <p>Nghị định 08/2010/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi:</p> <p>Không có quy định về biện pháp tăng cường kiểm tra chặt tại biên giới – tất cả đều theo thủ tục kiểm tra thông thường.</p> <p>Thông tư 14/2015/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 12, 12 quy định về việc hải quan có thể tiến hành kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm nhưng lại theo yêu cầu, điều kiện của các cơ quan quản lý chuyên ngành. 	<ol style="list-style-type: none"> 3. Trường hợp pháp luật VN sửa đổi bổ sung Thông tư 51/2010/TT-BNNPTNT, đề nghị bổ sung quy định về các trường hợp tăng cường kiểm soát đối với <i>thực phẩm nguồn gốc động vật</i> với các quy định nêu rõ: <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ áp dụng và căn cứ rút lại - Quy trình, thủ tục áp dụng và rút lại biện pháp áp dụng (bao gồm cả thủ tục thông báo) 4. Trường hợp pháp luật VN sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2010/NĐ-CP, đề nghị bổ sung quy định về các trường hợp tăng cường kiểm soát đối với <i>thức ăn chăn nuôi</i> với các quy định nêu rõ: <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ áp dụng và căn cứ rút lại - Quy trình, thủ tục áp dụng và rút lại biện pháp áp dụng (bao gồm cả thủ tục thông báo) 5. Dự thảo Luật Thú y (nâng cấp Pháp lệnh Thú y) có thể cần nhắc bổ sung điều khoản về các trường hợp tăng cường kiểm soát đối với <i>động vật sống, sản phẩm động vật</i> với các quy định nêu rõ <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ áp dụng và căn cứ rút lại - Quy trình, thủ tục áp dụng và rút lại biện pháp áp dụng (bao gồm cả thủ tục thông báo)
<p>2 Tạm giữ</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p>	<p>Đánh giá</p>

Thành viên phải nhanh chóng thông tin cho người chuyên chở hoặc nhà nhập khẩu trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu bị giữ lại để cơ quan hải quan hoặc cơ quan chức năng khác kiểm tra.

- Điều 29: Khai hải quan thực hiện theo phương thức điện tử
- Điều 30, 33: Cơ quan hải quan ra quyết định kiểm tra thực tế

Nghị định 08/2015/NĐ-CP về thủ tục hải quan

- Điều 25 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử trừ một số ít trường hợp được liệt kê
- Điều 26 quy định cơ quan hải quan phải phản hồi thông tin cho người khai hải quan (trên hệ thống) về kết quả xử lý đăng ký tờ khai (suy đoán trong đó có thông tin về việc kiểm tra hàng thực tế)

Thông tư 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

- Điều 14.1 quy định công chức hải quan có trách nhiệm cập nhật kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan vào hệ thống, trường hợp lô hàng phải kiểm tra thực tế thì chuyển hồ sơ đến khâu nghiệp vụ kiểm tra thực tế hàng hóa
- Điều 14.2 quy định công chức hải quan có nghĩa vụ cập nhật kết quả kiểm tra

1. Liên quan tới kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu bởi cơ quan hải quan: Theo quy định tại Luật Hải quan thì phần lớn hàng hóa đều phải khai hải quan theo phương thức điện tử và cơ quan hải quan xác định kết quả phân luồng, hình thức kiểm tra qua hệ thống điện tử cho người khai hải quan.

Do đó pháp luật về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thông báo nhanh chóng việc giữ hàng để kiểm tra tại Khoản 2 Điều 5 TFA.

- Liên quan tới kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu thực hiện bởi cơ quan chuyên ngành: Việc kiểm tra là bắt buộc đối với mọi trường hợp liên quan theo pháp luật chuyên ngành, vì vậy không cần thủ tục thông báo này.

Đề xuất:

Pháp luật Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của khoản 2 Điều 5 TFA. Vì vậy không cần sửa đổi, điều chỉnh gì.

	<p>thực tế vào hệ thống</p> <p>Luật An toàn thực phẩm, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật thú y, Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa... đều quy định về các hình thức kiểm tra thực tế bắt buộc đối với các loại hàng hóa liên quan (chỉ khác nhau ở mức độ kiểm tra: chặt, thông thường, giảm).</p>	
<p>3 Thủ tục kiểm định</p> <p>3.1 Một Thành viên có thể, trên cơ sở yêu cầu, cho phép kiểm định lần hai trong trường hợp kết quả kiểm định lần đầu đối với mẫu hàng hóa lấy khi hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu cho kết quả bất lợi.</p> <p>3.2 Một Thành viên phá công bố, theo cách dễ tiếp cận và không phân biệt đối xử, tên và địa chỉ của các phòng thí nghiệm có thể thực hiện kiểm định lại hoặc cung cấp thông tin này cho nhà nhập khẩu khi cho phép họ được kiểm định lại theo khoản 3.1.</p> <p>3.3 Một Thành viên phải cân nhắc kết quả kiểm định lại trong quá trình giải phóng và thông quan hàng hóa, và nếu phù hợp, có thể chấp nhận kết quả kiểm định lại.</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 18: Người khai hải quan có quyền yêu cầu cơ quan hải quan kiểm tra lại thực tế hàng hóa đã kiểm tra nếu hàng hóa chưa thông quan - Một số Điều khác: Nếu không đồng ý với kết quả xác định trước thì được quyền khiếu nại, khiếu kiện <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 30: Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng thì người khai hải quan cùng cơ quan hải quan thống nhất lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để giám định. Kết luận của cơ quan, tổ chức giám định có giá trị để các bên thực hiện. Cơ quan, tổ chức 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã có quy định phù hợp với yêu cầu của TFA về: <ul style="list-style-type: none"> - Quyền yêu cầu/quy trình cho phép kiểm định lần hai đối với trường hợp không đồng ý với kết luận của cơ quan hải quan về tên, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng - Việc cơ quan có thẩm quyền phải cân nhắc kết quả kiểm định lại 2. Pháp luật VN chưa có quy định về việc cho phép kiểm định lại theo yêu cầu của người khai hải quan đối với các trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra chuyên ngành (được thực hiện bởi các cơ quan quản lý chuyên ngành). <p>Chú ý: Pháp luật về khiếu nại có thể được áp dụng đối với các quyết định kết quả kiểm tra chuyên ngành. Tuy nhiên việc khiếu nại như vậy thực chất là khiếu nại về quyết định hành chính liên quan, và việc xử lý là xem xét lại nội dung của quyết định bị</p>

	<p>giám định chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.</p> <p>Luật khiếu nại 2012: Quyền khiếu nại quyết định hành chính</p> <p>Thông tư 44/2001/TT-BKHCNM hướng dẫn kiểm tra hàng hóa của các đơn vị sự nghiệp kỹ thuật phục vụ quản lý Nhà nước: Nêu danh sách các cơ quan kiểm tra phục vụ quản lý Nhà nước (đều là các đơn vị sự nghiệp kỹ thuật, không có bên thứ 3 độc lập)</p> <p>Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 16.2c quy định về quyền thỏa thuận lựa chọn thương nhân giám định và quyền khiếu nại nếu không đồng ý với kết quả giám định nếu việc giám định được thực hiện bởi chủ thể do cơ quan hải quan chỉ định - Đối với các quyết định sau kiểm tra của hải quan thì người khai được quyền khiếu nại <p>Thông tư 37/2001/TTLT/BKHCNMT-TCHQ hướng dẫn thủ tục hải quan và kiểm tra chất lượng hàng hóa</p>	<p>khiếu nại đó, có thể bao gồm cả việc thực hiện kiểm định lại nhưng không đương nhiên. Vì vậy không nên nhầm lẫn giữa giám định lần hai với thủ tục khiếu nại.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Pháp luật VN đã có văn bản nêu danh sách đơn vị sự nghiệp kỹ thuật phục vụ hoạt động giám định, về nguyên tắc là được công bố rồi. Tuy nhiên, với một văn bản cách đây nhiều năm thì có lẽ chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố theo cách dễ tiếp cận; hoặc - Cung cấp lại thông tin khi cho phép kiểm định lại. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung vào các văn bản hướng dẫn Luật hải quan về thủ tục hải quan (Nghị định và Thông tư) quy định cụ thể hóa yêu cầu tại Khoản 3 Điều 5 TFA về Trách nhiệm thông báo cho bên liên quan địa chỉ liên lạc của các đơn vị kiểm định lại khi cho phép bên liên quan làm kiểm định lại (mặc dù đây là nghĩa vụ lựa chọn nhưng việc này hữu ích cho DN, và việc triển khai là hoàn toàn khả thi, không mất chi phí). 2. Cân nhắc hình thức thích hợp để bổ sung quy định về quyền yêu cầu kiểm định lần 2 (cùng các yêu cầu chi tiết liên quan tại Khoản 3 Điều 5
--	---	--

	<p>XNK: Không quy định về quyền yêu cầu kiểm định lại</p> <p>Các văn bản pháp luật về kiểm định chuyên ngành (nông nghiệp, phương tiện giao thông, kiểm dịch động thực vật, thực phẩm...) đều chỉ quy định về kiểm tra ban đầu, không đề cập tới kiểm định lại.</p> <p>Thông tư 14/2015/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 12, 13 quy định hải quan có thể kiểm tra chuyên ngành nhưng theo yêu cầu, thủ tục, điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành 	<p>TFA) đối với kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>Vấn đề khó: Quy định về kiểm tra chuyên ngành được quy định rải rác trong rất nhiều văn bản (mỗi văn bản thuộc chuyên ngành riêng, trong phạm vi của một Bộ riêng). Nên chăng có một văn bản sửa nhiều văn bản về vấn đề này? Hoặc quy định một quy trình chung về kiểm định lần 2 (cho cả kiểm tra hải quan và kiểm tra chuyên ngành) trong Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan (mở rộng phạm vi áp dụng của quy định hiện tại về kiểm định lần 2 về hải quan)</p> <p>3. Bổ sung thêm nhóm thông tin về địa chỉ liên lạc của các đơn vị kiểm định lại vào các loại thông tin về thủ tục hải quan cần công bố bởi các đầu mối tại <i>Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan</i> (đề xuất xây dựng).</p>
<p>ĐIỀU 6: CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÍ VÀ LỆ PHÍ PHẢI THU HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU VÀ CÁC KHOẢN NỘP PHẠT</p>		
<p>1. Qui định chung về phí và lệ phí phải thu hoặc có liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu</p> <p>1.1 Các qui định tại khoản 1 áp dụng đối với tất cả các loại phí và lệ phí, không áp dụng cho các loại thuế xuất</p>	<p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 78, 84: Quy định về việc công bố các VBQPPL (và phí, lệ phí là các vấn đề được quy định trong các 	<p>Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN cơ bản đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 1 Điều 6 TFA về việc: - Công bố các thông tin về phí, lệ phí

khẩu/nhập khẩu và các loại thuế qui định tại Điều III của Hiệp định GATT 1994 do các Thành viên của hoặc có liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu.

1.2 Thông tin về phí và lệ phí phải được công bố theo Điều 1. Thông tin này phải bao gồm các phí và lệ phí sẽ được áp dụng, lý do thu các phí hoặc lệ phí cho dịch vụ được sử dụng, cơ quan chịu trách nhiệm và thời điểm và phương thức nộp.

1.3 Thời hạn thích hợp phải được đưa ra từ khi công bố các khoản phí và lệ phí mới hoặc được sửa đổi cho đến khi chúng có hiệu lực ngoại trừ trong các trường hợp khẩn cấp. Các khoản phí và lệ phí như vậy sẽ không được áp dụng cho tới khi các thông tin về chúng được công bố.

1.4 Mỗi Thành viên phải định kỳ rà soát các khoản phí và lệ phí nhằm giảm số lượng và tính chất phức tạp của các khoản phí và lệ phí, khi thích hợp.

VBQPPL và phải tuân thủ các quy định Luật này) về:

+ Công bố

+ Thời hạn từ khi công bố tới thời điểm áp dụng

- Điều 93 quy định về trách nhiệm định kỳ rà soát VBQPPL để kịp thời kiến nghị sửa đổi, thay thế, bãi bỏ nếu phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình

Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hóa pháp luật

- Điều 3, 4: hoạt động rà soát VBPL phải được rà soát thường xuyên, ngay khi có căn cứ cho việc rà soát nhằm phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình

Pháp lệnh phí, lệ phí 2001; Nghị định 57/2002/NĐ-CP (sửa đổi bằng Nghị định 24/2006) hướng dẫn Pháp lệnh phí, lệ phí:

- Quy định chung các nội dung về cơ quan có thẩm quyền thu; các loại phí, lệ phí; các loại dịch vụ là lý do thu phí, lệ phí
- Quy định danh mục các loại phí, lệ phí liên quan tới hải quan

- Có khoảng thời gian giữa công bố và áp dụng chính thức
 - Rà soát định kỳ văn bản pháp luật về phí, lệ phí
2. Tuy nhiên, với các quy định hiện hành của VN về việc công bố chung, toàn văn văn bản về phí, lệ phí có thể chưa đáp ứng đúng, thực chất yêu cầu về minh bạch hóa về phí, lệ phí theo Khoản 1.2 Điều 6 TFA theo đó:
- Thông tin về phí, lệ phí phải được công bố theo cách tóm gọn, rõ ràng, tập trung như yêu cầu tại Điều 1 TFA
 - Các nội dung cụ thể được liệt kê liên quan tới phí, lệ phí phải được nêu rõ

Đề xuất:

1. Đưa nhóm thông tin về lệ phí vào các loại thông tin về thủ tục hải quan cần công bố bởi các đầu mối tại *Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan* (đề xuất xây dựng mới)

	<p>Thông tư 172/2010/TT-BTC hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan: Quy định cụ thể về loại, mức, cơ quan có thẩm quyền thu, thời điểm và phương thức nộp các loại phí, lệ phí liên quan tới hải quan</p>	
--	--	--

<p>2. Qui định cụ thể về phí và lệ phí hải quan hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu</p> <p>Phí và lệ phí đối với quy trình xử lý hải quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) phải được giới hạn ở mức tương ứng với chi phí cho các dịch vụ về hoặc liên quan đến việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu cụ thể liên quan; và (ii) không nhất thiết phải liên quan đến một hoạt động xuất khẩu hoặc nhập khẩu cụ thể, miễn là chúng được thu cho một dịch vụ liên quan chặt chẽ với quy trình xử lý hải quan đối với hàng hoá. 	<p>Pháp lệnh Phí, lệ phí 2001</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 12: mức thu phí phải đảm bảo thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, có tính đến chính sách của nhà nước - Điều 13: Mức thu lệ phí không nhằm mục đích bù đắp chi phí <p>Nghị định 57/2002/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 24/2006/NĐ-CP) hướng dẫn Pháp lệnh Phí, lệ phí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 9: Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí - Điều 14: Mức thu phí nhằm mục đích bù đắp chi phí, bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý - Phụ lục quy định chi tiết danh mục phí, lệ phí trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hải quan <p>Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục quy định cụ thể về mức phí, lệ phí, thời điểm nộp 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN về các loại phí, lệ phí liên quan tới hải quan đã đáp ứng yêu cầu tại điểm (ii) Khoản 2 Điều 6 TFA. 2. Pháp luật VN chưa đáp ứng hoàn toàn yêu cầu tại điểm (i) Khoản 2 Điều 6 TFA, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Mức thu phí: chỉ nêu mục tiêu (để bù đắp chi phí dịch vụ), có thể hiểu gián tiếp là bằng với chi phí dịch vụ bỏ ra, nhưng không chắc chắn - Mức thu lệ phí: hiện không gắn với mục đích bù đắp chi phí mà để phục vụ chính sách của Nhà nước <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi Thông tư 172/2010/TT-BTC để bổ sung nguyên tắc về xác định mức phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan phù hợp với yêu cầu tại điểm (i). <p>Vấn đề khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư này quy định ngay về mức phí, không phải văn bản thích hợp để quy định về nguyên tắc xác định mức phí - Thông tư này nếu sửa cũng chỉ áp dụng đối với phí, lệ phí của một số dịch vụ hải quan của Hải quan, không bao trùm các loại phí, lệ phí của các dịch vụ liên quan tới xuất
---	--	--

nhập khẩu trong các lĩnh vực chuyên ngành (công thương, nông nghiệp...)

2. Trong tương lai, nếu có thể, cần nhắc sửa đổi Nghị định 24/2006/NĐ-CP để bổ sung nguyên tắc tương tự như tại điểm (i) Khoản 2 Điều 6 TFA theo đó mọi loại phí, lệ phí đều phải giới hạn ở chi phí tương ứng với mức dịch vụ cung ứng
- Chỉ như vậy thì phí, lệ phí mới đúng bản chất và mới công bằng với người nộp phí, lệ phí.
 - Hơn nữa chỉ bằng cách này mới có thể đáp ứng triệt để yêu cầu tại điểm (i) Điều 6 TFA bởi các loại phí liên quan tới xuất nhập khẩu thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau.

<p>3 Qui định về các khoản phạt vi phạm</p> <p>3.1 Trong khuôn khổ khoản 3, thuật ngữ "các khoản phạt vi phạm" có nghĩa là các các khoản phạt vi phạm mà cơ quan hải quan của một Thành viên áp dụng đối với việc vi phạm luật hải quan, qui định hoặc yêu cầu về thủ tục hải quan của Thành viên đó.</p> <p>3.2 Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng chỉ áp dụng các khoản phạt vi phạm đối với một vi phạm về luật hải quan, qui định và yêu cầu về thủ tục hải quan đối với (những) người có trách nhiệm đối với vi phạm theo quy định.</p> <p>3.3 Phạt vi phạm áp dụng phải dựa trên các bằng chứng và tình huống của vụ việc, và phải phù hợp với mức độ và tính nghiêm trọng của vi phạm.</p> <p>3.4 Mỗi Thành viên phải đảm bảo duy trì các thủ tục để tránh:</p> <p>(a) các xung đột về lợi ích trong việc xác định và thu các khoản phạt vi phạm, thuế; và</p> <p>(b) tạo sự khuyến khích cho việc xác định hoặc thu khoản phạt vi phạm không phù hợp với khoản 3.3.</p> <p>3.5 Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng khi áp dụng một khoản phạt vi phạm đối với một vi phạm về luật hải quan, qui định và các yêu cầu về thủ tục hải quan thì phải cung cấp văn bản giải</p>	<p>Luật xử lý vi phạm hành chính 2012</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 3: Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính “phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm” - Điều 5: người/tổ chức bị xử phạt là người/tổ chức có vi phạm hành chính - Điều 56, 68: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có bao gồm các thông tin về chứng cứ vi phạm, biên bản vi phạm, căn cứ pháp lý, điều khoản văn bản pháp luật được áp dụng - Điều 9: Việc người vi phạm tự nguyện khai báo <p>Nghị định 127/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan: Quy định chi tiết về các loại vi phạm, mức phạt đối với các vi phạm trong lĩnh vực hải quan – tất cả đều tuân thủ Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 nói trên.</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật Việt Nam đã đáp ứng về cơ bản các yêu cầu tại khoản 3 Điều 6 TFA về: <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ phạt vi phạm - Chủ thể phạt vi phạm - Tình huống giảm nhẹ 2. Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy định nhằm xử lý triệt để các vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định chính xác chủ thể vi phạm; - Các biện pháp bảo đảm tránh xung đột lợi ích trong xử lý vi phạm hành chính <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về cơ bản, pháp luật đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản của Khoản 3 Điều 6 TFA. Vì vậy không nhất thiết phải có sửa đổi nào. 2. Tuy nhiên, nếu có cơ hội sửa đổi Nghị định 127/2013/NĐ-CP hoặc Thông tư hướng dẫn Nghị định này (nếu có) thì có thể cân nhắc để quy định rõ hơn về: <ul style="list-style-type: none"> - Việc xác định chủ thể vi phạm - Các biện pháp tránh xung đột lợi ích giữa người áp dụng biện pháp xử lý và người vi phạm.
--	---	---

<p>thích cho (những) người bị phạt trong đó nêu rõ nội dung vi phạm và các căn cứ luật, quy chế, hoặc thủ tục có quy định về mức phạt hoặc loại hình phạt vi phạm đối với vi phạm đó.</p> <p>3.6 Khi một người tự giác báo cáo cho cơ quan hải quan của một Thành viên các tình huống của vi phạm luật hải quan, qui định hoặc yêu cầu về thủ tục hải quan trước khi vi phạm này bị cơ quan hải quan phát hiện, thì khuyến khích Thành viên đó, khi thích hợp, xem xét yếu tố này như một tình tiết giảm nhẹ khi quyết định một khoản phạt vi phạm cho người đó.</p> <p>3.7 Các qui định trong khoản này phải áp dụng đối với các hình phạt vận tải quá cảnh được nêu tại khoản 3.1.</p>		
<p>ĐIỀU 7: GIẢI PHÓNG VÀ THÔNG QUAN HÀNG HOÁ</p>		
<p>1. Xử lý trước khi hàng đến</p> <p>1.1 Mỗi Thành viên phải áp dụng hoặc duy trì các thủ tục cho phép nộp hồ sơ nhập khẩu và thông tin liên quan khác, bao gồm bản lược khai, để xử lý trước khi hàng đến với mục đích giải phóng nhanh hàng hóa ngay khi đến.</p> <p>1.2 Các Thành viên phải, nếu phù hợp, qui định việc nộp trước các chứng từ dạng điện tử để xử lý các chứng từ đó trước khi hàng đến.</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 25: Thời hạn nộp tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu có thể là <u>trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu</u> và Tờ khai hải quan có giá trị làm thủ tục hải quan trong thời hạn <u>15 ngày kể từ ngày đăng ký</u> <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 26 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử 	<p>Đánh giá</p> <p>Pháp luật Việt Nam đã đáp ứng yêu cầu của Khoản 1 Điều 7 TFA về việc cho phép nộp hồ sơ nhập khẩu trước khi hàng đến và dưới dạng điện tử.</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không cần sửa đổi, bổ sung gì về pháp luật</p>

	<p>Thông tư 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 8 quy định về hồ sơ hải quan điện tử trong đó có tờ khai hải quan bắt buộc phải dưới dạng điện tử, các chứng từ kèm theo tờ khai hải quan có thể là dạng điện tử hoặc dạng giấy <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 9.2, 9.4 quy định về đăng ký trước thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 	
<p>2 Thanh toán điện tử</p> <p>Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể, áp dụng hoặc duy trì các thủ tục cho phép lựa chọn thanh toán điện tử đối với thuế, lệ phí và chi phí hải quan được áp dụng hoặc liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa.</p>	<p>Thông tư 126/2014/TT-BTC hướng dẫn một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa XNK:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Điều khoản trong Thông tư này quy định việc nộp thuế, phí, lệ phí, các khoản tiền khác liên quan tới XNK qua phương thức điện tử và trực tiếp (tùy lựa chọn và việc đáp ứng các điều kiện). 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật Việt Nam đã đáp ứng yêu cầu tại Khoản 2 Điều 7 TFA, theo đó <ul style="list-style-type: none"> - Người nộp thuế, phí, lệ phí XNK được quyền lựa chọn thanh toán điện tử hoặc thanh toán trực tiếp - Người nộp thuế, phí, lệ phí XNK có thể nộp trực tiếp cho Nhà nước hoặc qua tổ chức tín dụng được ủy quyền 2. Trên thực tế hệ thống thanh toán điện tử đã được vận hành dù vẫn còn một số vấn đề kỹ thuật (mức độ kết nối và các hình thức thanh toán hạn chế).

		<p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi hay điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật</p>
<p>3. Tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về thuế hải quan, thuế và các loại phí</p> <p>3.1 Mỗi Thành viên phải áp dụng hoặc duy trì các thủ tục cho phép giải phóng hàng hóa trước khi đưa ra quyết định cuối cùng về thuế hải quan, thuế, phí và lệ phí nếu một quyết định như thế không được đưa ra trước, hoặc ngay khi hàng đến hoặc nhanh nhất có thể sau khi hàng đến và với điều kiện là tất cả các yêu cầu qui định khác đã được đáp ứng.</p> <p>3.2 Đối với điều kiện giải phóng hàng này, một Thành viên có thể yêu cầu:</p> <p>(a) nộp thuế hải quan, thuế, phí, lệ phí được xác định trước hoặc ngay khi hàng đến và bảo lãnh cho bất kỳ số tiền chưa được xác định dưới hình thức bảo lãnh, đặt cọc hoặc công cụ phù hợp khác qui định trong luật và các quy định; hoặc</p> <p>(b) một khoản bảo lãnh dưới các hình thức của một bảo đảm, đặt cọc hoặc công cụ thích hợp khác qui định trong luật và các quy định.</p> <p>3.3 Khoản bảo lãnh như vậy không được lớn hơn số tiền Thành viên yêu cầu</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 36: Hàng hóa <u>được giải phóng</u> khi đủ điều kiện để được XNK, <u>chưa xác định được số thuế chính thức phải nộp</u> nhưng <u>đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế</u> của người khai hải quan - Điều 37: Hàng hóa được <u>thông quan</u> khi hoàn thành thủ tục hải quan, <u>nếu chưa nộp thuế thì cần có bảo lãnh; nếu bị phạt hành chính thì phải nộp phạt hoặc có bảo lãnh.</u> <p>Các văn bản hướng dẫn Luật Hải quan quy định chi tiết về các nội dung này phù hợp với nguyên tắc nêu trong Luật Hải quan</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã đáp ứng được các yêu cầu của Khoản 3 Điều 7 TFA, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Được thông quan, giải phóng mà chưa cần có quyết định cuối cùng về thuế - Khoản bảo lãnh hoặc tạm nộp thuế dựa trên mức thuế do tự kê khai, vì vậy không vượt quá mức cần thiết để bảo đảm thanh toán; - Nếu phải nộp phạt vi phạm thì vẫn được giải phóng hàng sau khi đã nộp phạt/bảo lãnh. 2. Pháp luật VN chưa có quy định về việc hoàn trả lại khoản bảo lãnh. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung quy định về hoàn trả (giải phóng) khoản bảo lãnh vào Thông tư 126/2014/TT-BTC hướng dẫn một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa XNK

<p>đề đảm bảo thanh toán số tiền thuế hải quan, thuế, phí và lệ phí cuối cùng đối với hàng hóa được bảo lãnh.</p> <p>3.4 Trong trường hợp phát hiện một vi phạm yêu cầu áp dụng hình phạt hoặc xử phạt bằng tiền, có thể yêu cầu một khoản bảo lãnh đối với các hình phạt và xử phạt bằng tiền cần nộp.</p> <p>3.5 Khoản bảo lãnh như được qui định tại các khoản 3.2 và 3.4 phải được hoàn lại khi không còn yêu cầu.</p> <p>3.6 Các qui định này không ảnh hưởng đến quyền của một Thành viên đối với kiểm tra, bắt giữ, giữ, tịch thu hoặc xử lý hàng hoá dưới bất cứ hình thức nào miễn là không trái với các quyền và nghĩa vụ của các Thành viên WTO.</p>		
<p>4 Quản lý rủi ro</p> <p>4.1 Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể, áp dụng hoặc duy trì hệ thống quản lý rủi ro trong kiểm soát hải quan.</p> <p>4.2 Mỗi Thành viên phải xây dựng và áp dụng quản lý rủi ro theo cách tránh sự tùy tiện hoặc sự phân biệt đối xử vô lý giữa các Thành viên, hoặc sự hạn chế trá hình trong thương mại quốc tế.</p> <p>4.3 Mỗi Thành viên phải tập trung kiểm soát hải quan và, trong phạm vi có thể, các hình thức kiểm soát biên giới khác, đối với các lô hàng có rủi ro cao trong khi vẫn đảm bảo đầy nhanh việc giải phóng các lô hàng có rủi ro thấp. Một Thành viên cũng phải lựa chọn, trên</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 17: Các nguyên tắc quản lý rủi ro <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 12 quy định danh sách đóng các tiêu chí quản lý rủi ro áp dụng chung <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13 quy định tiêu chí đánh giá rủi ro theo mức độ tuân thủ pháp luật của doanh 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã có quy định cứng, áp dụng chung, không phân biệt đối xử về các tiêu chí quản lý rủi ro, không vượt ra ngoài danh sách các tiêu chí có thể sử dụng trong Khoản 4.4 Điều 7 TFA <p>Về thực thi, hệ thống kiểm soát rủi ro hiện đã được vận hành trên thực tế, theo cách không phân biệt đối xử.</p> 2. Pháp luật VN chưa có quy định về việc phối kết hợp giữa hải quan và các cơ quan biên giới, cơ quan quản lý chuyên ngành XNK trong việc quản lý rủi ro. Tuy nhiên, theo khoản 4.3 Điều 7 TFA thì việc phối kết hợp

<p>ơ sở ngẫu nhiên, các lô hàng đối với kiểm soát hải quan đó như một phần của quản lý rủi ro.</p> <p>4.4 Mỗi Thành viên phải dựa trên quản lý rủi ro trong khi đánh giá rủi ro qua các tiêu chí lựa chọn phù hợp. Các tiêu chí lựa chọn có thể bao gồm, không ngoài các tiêu chí sau, mã số HS, tính chất và mô tả hàng hóa, nước xuất xứ, nước hàng hóa được chuyển đến, trị giá hàng hóa, hồ sơ theo dõi đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, và loại phương tiện vận tải.</p>	<p>ngành XNK (tiêu chí doanh nghiệp ưu tiên)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Mục về kiểm tra hải quan đối với từng loại hàng hóa đã có quy định cụ thể về việc đánh giá rủi ro, phân loại kiểm tra <p>Dự thảo Thông tư về áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về các loại hình ưu tiên, trong đó có ưu tiên về quản lý rủi ro và các tiêu chí doanh nghiệp ưu tiên 	<p>này chỉ là “trong phạm vi có thể”, không phải nghĩa vụ bắt buộc.</p> <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mặc dù TFA không bắt buộc nhưng việc phối hợp giữa hải quan với các cơ quan kiểm soát tại biên giới là cần thiết, phù hợp với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thông quan của Chính phủ VN. <p>Vì vậy đề nghị xây dựng mới 01 <i>Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu</i>, trong đó có 01 điều khoản về cơ chế phối kết hợp trong quản lý rủi ro với yêu cầu về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành với hải quan - Phối hợp kiểm soát rủi ro giữa cơ quan quản lý chuyên ngành và hải quan
<p>5 Kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.1 Nhằm xúc tiến giải phóng hàng, mỗi Thành viên phải thực hiện hoặc duy trì kiểm tra sau thông quan để đảm bảo tuân thủ pháp luật hải quan, luật và các qui định có liên quan khác.</p> <p>5.2 Mỗi Thành viên phải chọn một</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 78: Các tiêu chí kiểm tra sau thông quan (có gắn với các biện pháp quản lý rủi ro) - Mục 9 (Từ Điều 77-82) quy định chi tiết về kiểm tra sau 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã có quy định đầy đủ, đáp ứng về cơ bản các yêu cầu của Khoản 5 Điều 7 TFA trừ nghĩa vụ về thông báo không chậm trễ kết quả kiểm tra cho người có hồ sơ (hiện Nghị định 08/2015/NĐ-CP không có quy định này).

<p>người hoặc một lô hàng để kiểm tra sau thông quan bằng phương pháp dựa trên cơ sở rủi ro trong đó có thể bao gồm tiêu chí chọn lọc thích hợp. Mỗi Thành viên phải thực hiện việc kiểm tra sau thông quan một cách minh bạch. Khi cá nhân tham gia vào quá trình kiểm tra và khi kết quả tổng hợp đã có, Thành viên phải, không chậm trễ, thông báo cho người có hồ sơ được kiểm tra biết các kết quả, các quyền và nghĩa vụ của người đó và những lý do cho kết quả.</p> <p>5.3 Thông tin thu được từ kiểm tra sau thông quan có thể được sử dụng trong các tổ tụng hành chính và tư pháp sau đó.</p> <p>5.4 Các Thành viên phải, khi có thể thực hiện được, sử dụng kết quả của kiểm tra sau thông quan trong việc áp dụng quản lý rủi ro.</p>	<p>thông quan (thủ tục, trình tự, cách thức xử lý kết quả...)</p> <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI: quy trình kiểm tra sau thông quan <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 18 quy định các nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan - Các Mục về kiểm tra hải quan đối với từng loại hàng hóa đã có quy định về kiểm tra sau thông quan <p>Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 16, 17 quy định Quyết định hành chính phải có các nội dung cụ thể về quyền, nghĩa vụ của đối tượng liên quan và nêu rõ căn cứ pháp lý – thực tiễn của việc ban hành quyết định hành chính - Điều 4.1 quy định quyết định hành chính mang tính quyền lực Nhà nước, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của đối tượng liên quan 	<ol style="list-style-type: none"> 2. Trên thực tế, quy định về cơ chế kiểm tra sau thông quan mới chỉ đầy đủ ở mảng kiểm tra sau thông quan chung do cơ quan hải quan tiến hành mà chưa có cơ chế/sự tham gia của cơ quan quản lý chuyên ngành. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với việc thực hiện TFA: <p>Đề nghị bổ sung quy định về trình tự thông báo không chậm trễ kết quả kiểm tra sau thông quan cho đối tượng liên quan vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 08/2015/NĐ-CP.</p> 2. Để đảm bảo hiệu quả quản lý, đáp ứng nhu cầu quản lý nội tại, VN cần cân nhắc bổ sung cơ chế về kiểm tra sau thông quan với sự kết hợp giữa hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành đối với các loại hàng hóa chịu quản lý chuyên ngành.
--	---	--

<p>6 Thiết lập và công bố thời gian giải phóng trung bình</p> <p>6.1 Các Thành viên được khuyến khích để đo và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình theo định kỳ và theo một cách thức thống nhất, sử dụng các công cụ, không ngoài các công cụ, như Khảo sát Đo lường Thời gian Giải phóng hàng của Tổ chức Hải quan Thế giới (đề cập trong Hiệp định này là "WCO").⁶</p> <p>6.2 Các Thành viên được khuyến khích để chia sẻ với Ủy ban về kinh nghiệm của mình trong việc đo thời gian giải phóng hàng trung bình, bao gồm các phương pháp đã được sử dụng, các vướng mắc được xác định, và bất kỳ kết quả nào tác động đến hiệu quả.</p>	<p>Pháp luật VN hiện chưa có VBQPPL về đo và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình</p> <p>Bộ Tài chính đang dự thảo văn bản về phương thức đo thời gian giải phóng hàng</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chưa có quy định pháp luật về đo và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình. Tuy nhiên hoạt động này không phải quy định bắt buộc của TFA (chỉ mang tính khuyến khích). 2. Trên thực tế một số tổ chức, tự thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan hải quan có công bố kết quả điều tra về thời gian giải phóng hàng trung bình nhưng <ul style="list-style-type: none"> - Không thống nhất về phương pháp đo, cách thức công bố - Không chính thức về kết quả <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mặc dù TFA không đòi hỏi bắt buộc thực hiện, việc đo và công bố thời gian giải phóng hàng có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá nỗ lực cải cách hành chính về hải quan của Chính phủ. Hơn nữa Bộ Tài chính cũng đang soạn văn bản liên quan. <p>Vì vậy, đề xuất xây dựng 01 VBQPPL về phương pháp, yêu cầu và công bố kết quả đo thời gian giải phóng hàng trung bình làm căn cứ thúc đẩy cũng như đánh giá hiệu quả thực hiện của hoạt động này trên thực tế.</p>
---	--	--

⁶ Mỗi Thành viên có thể quyết định phạm vi và phương pháp của các biện pháp đo thời gian giải phóng hàng trung bình phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình.

<p>7 Các biện pháp tạo thuận lợi thương mại đối với Doanh nghiệp ưu tiên</p> <p>7.1 Mỗi Thành viên phải cung cấp các biện pháp tạo thuận lợi thương mại bổ sung liên quan đến các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh, theo mục 7.3, đối với các doanh nghiệp đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, sau đây gọi là doanh nghiệp ưu tiên. Đồng thời, một Thành viên có thể cung cấp các biện pháp tạo thuận lợi thương mại này thông qua các thủ tục hải quan thông thường dành cho tất cả các doanh nghiệp và không được yêu cầu thiết lập một chương trình riêng biệt.</p> <p>7.2 Các tiêu chí đã được xác định để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên phải liên quan đến việc tuân thủ, hoặc nguy cơ của việc không tuân thủ với các yêu cầu được nêu rõ trong luật, các qui định hoặc thủ tục của một Thành viên.</p> <p>(a) Các tiêu chí này phải được công bố, có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) hồ sơ phù hợp về tuân thủ luật, các qui định hải quan và luật, các qui định liên quan khác; (ii) hệ thống quản lý hồ sơ để phục vụ việc kiểm soát nội bộ cần thiết; (iii) khả năng thanh toán tài chính, bao gồm, nếu phù 	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 42: Điều kiện ưu tiên (6 nhóm cơ bản, trong đó có trường hợp thỏa thuận công nhận lẫn nhau theo các Hiệp định) Điều 43: Chế độ ưu tiên (3 loại, bao gồm cả ưu tiên khi thực hiện thủ tục thuế) <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan</p> <p>Chương II quy định về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp (doanh nghiệp ưu tiên)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 9: Các chế độ ưu tiên (trong đó bổ sung thêm về ưu tiên về địa điểm kiểm tra so với Điều 43 Luật Hải quan) - Điều 88: Các điều kiện ưu tiên <p>Dự thảo Thông tư về áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 2-4 quy định về các chế độ ưu tiên: <ul style="list-style-type: none"> + miễn kiểm tra + làm thủ tục khi tờ khai chưa hoàn chỉnh + linh hoạt về thời gian - Điều 5-10 quy định về các tiêu chí doanh nghiệp ưu 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu bắt buộc của Khoản 7 Điều 7 TFA trừ yêu cầu về việc không tạo ra hạn chế đối với SMEs (hiện tại yêu cầu về kim ngạch còn quá cao, các trường hợp ngoại lệ không áp dụng yêu cầu kim ngạch khá hạn chế - chỉ áp dụng cho doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, do đó các SMEs hầu như không thể đáp ứng được để trở thành doanh nghiệp ưu tiên). <p>Tuy nhiên, có lưu ý là riêng với yêu cầu này thì TFA lại có thêm quy định “trong phạm vi có thể”. Vì vậy về nguyên tắc thì yêu cầu này không bắt buộc thực hiện tuyệt đối mà chỉ là khuyến khích thực hiện.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Tiêu chí “an ninh chuỗi cung ứng” được TFA cho phép sử dụng trong đánh giá các điều kiện hưởng ưu tiên nhưng pháp luật VN chưa sử dụng tới tiêu chí này. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khi hoàn cảnh cho phép, có thể tính tới việc sửa đổi Luật Hải quan và Nghị định 08/2015/NĐ-CP về áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp để bỏ hoặc giảm điều kiện về kim ngạch, tạo điều kiện cho các SMEs.
--	---	--

<p>hợp, việc cung cấp một khoản bảo đảm hoặc bảo lãnh đủ điều kiện; và</p> <p>(iv) an ninh chuỗi cung ứng.</p> <p>(b) Các tiêu chí này không được:</p> <p>(i) xây dựng hoặc áp dụng nhằm hỗ trợ hoặc tạo ra sự tự ý hoặc phân biệt đối xử vô lý giữa các doanh nghiệp trong trường hợp các điều kiện tương tự xảy ra; và</p> <p>(ii) trong phạm vi có thể, hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p> <p>7.3 Các biện pháp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ưu tiên được quy định tại khoản 7.1 phải bao gồm ít nhất ba trong các biện pháp sau đây:⁷</p> <p>(a) giảm các yêu cầu về chứng từ và dữ liệu, khi thấy phù hợp;</p> <p>(b) tỉ lệ kiểm tra thực tế thấp, khi thấy phù hợp;</p> <p>(c) thời gian giải phóng hàng nhanh, khi thấy phù hợp;</p> <p>(d) việc thanh toán chậm các khoản thuế, phí và lệ phí;</p> <p>(e) sử dụng các khoản bảo lãnh</p>	<p>tiên, bao gồm:</p> <p>+ tuân thủ PL thuế, hải quan</p> <p>+ thanh toán</p> <p>+ chấp hành PL kiểm toán, kế toán</p> <p>+ kim ngạch XNK (trừ một số ngoại lệ)</p> <p>+ thủ tục hải quan, thuế điện tử</p> <p>+ hệ thống kiểm soát nội bộ</p>	<p>2. Trong tương lai, nếu thấy cần thiết có thể nghiên cứu đưa tiêu chí “an ninh chuỗi cung ứng” vào pháp luật.</p>
---	--	--

⁷Một biện pháp được liệt kê tại khoản 7.3 (a) to (g) sẽ được hiểu là được cung cấp cho các doanh nghiệp ưu tiên nếu biện pháp đó sẵn có đối với tất cả các doanh nghiệp ưu tiên.

<p>cộng gộp hoặc các khoản bảo lãnh được giảm;</p> <p>(f) một tờ khai chung cho tất cả hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu trong một giai đoạn nhất định; và</p> <p>(g) việc thông quan hàng hóa tại các địa điểm của doanh nghiệp ưu tiên hoặc một nơi khác được cơ quan hải quan cho phép.</p> <p>7.4 Các Thành viên được khuyến khích để xây dựng các chương trình doanh nghiệp ưu tiên trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế, nếu các tiêu chuẩn này tồn tại, trừ khi chúng là các biện pháp không phù hợp hoặc không hiệu quả đối với việc hoàn thành các mục tiêu hợp pháp được theo đuổi.</p> <p>7.5 Nhằm nâng cao các biện pháp tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp, các Thành viên phải đưa ra khả năng đàm phán cho các Thành viên khác để công nhận lẫn nhau về chương trình doanh nghiệp ưu tiên.</p> <p>7.6 Thành viên phải chia sẻ thông tin liên quan trong Ủy ban về các chương trình doanh nghiệp ưu tiên đang được thực hiện.</p>		
<p>8 Các lô hàng chuyển phát nhanh</p> <p>8.1 Mỗi Thành viên phải áp dụng hoặc duy trì các thủ tục cho phép giải phóng nhanh hàng hoá ít nhất là các hàng hóa</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 52 cho phép có cơ chế kiểm soát riêng đối với hàng chuyển phát nhanh 	<p>Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu tại Khoản 8 Điều 7 TFA về: - Có thủ tục riêng, cho phép giải

<p>gửi theo đường hàng không đối với các cá nhân đề nghị áp dụng xử lý nhanh, trong khi vẫn duy trì kiểm soát hải quan.⁸Nếu một Thành viên áp dụng các tiêu chí⁹hạn chế người đề nghị được xử lý nhanh, Thành viên đó có thể, theo các tiêu chí được công bố, yêu cầu người nộp hồ sơ, với các điều kiện để công nhận việc áp dụng xử lý như đã nêu tại mục 8.2 đối với các lô hàng được xử lý nhanh, phải:</p> <p>(a) cung cấp cơ sở hạ tầng và trả các chi phí hải quan liên quan đến việc xử lý các lô hàng chuyên phát nhanh trong trường hợp người nộp hồ sơ thực hiện các yêu cầu của thành viên đề việc xử lý này được thực hiện tại địa điểm đã được chỉ định.</p> <p>(b) gửi trước các thông tin cần thiết để giải phóng hàng trước khi lô hàng chuyên phát nhanh đến;</p> <p>(c) được tính phí trong một khoản giới hạn gần bằng với chi phí của các dịch vụ thực hiện khi tiến hành xử lý nhanh như qui định tại mục 8.2;</p> <p>(d) duy trì mức độ kiểm soát cao đối với các lô hàng chuyên phát nhanh thông qua việc sử</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25: quy định thời gian làm tờ khai linh hoạt hơn cho hàng chuyên phát nhanh <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 6: Thời gian nộp tờ khai đối với hàng chuyên phát nhanh - Điều 70, 72: Điều kiện, thủ tục miễn thuế đối với hàng chuyên phát nhanh <p>Dự thảo Thông tư về bưu gửi qua đường bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định liên quan tới thẩm quyền và nhiệm vụ Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh <p>Thông tư 100/2010/TT-BTC quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh đường hàng không quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về một số chi tiết thủ tục hải quan áp dụng riêng, nhanh, trước khi hàng đến cho hàng chuyên phát nhanh theo đường hàng không 	<p>phóng nhanh hàng chuyên phát nhanh hơn bình thường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có tiêu chí hạn chế người có quyền đề nghị thực hiện thủ tục giải phóng nhanh với hàng chuyên phát nhanh - Không yêu cầu người đề nghị phải nộp/cung cấp các loại thuế, phí, tiền nào khác so với các loại phí, tiền áp dụng chung cho các trường hợp; - Miễn thuế trong các trường hợp nhất định (theo định mức tối thiểu về trọng lượng) - Không giới hạn hàng hóa được chuyên phát nhanh - Hàng chuyên phát nhanh không được miễn trừ khỏi việc áp dụng các trường hợp kiểm tra chặt và các biện pháp xử lý cần thiết khác <p>2. Việc áp dụng cơ chế riêng, nhanh cho hàng chuyên phát nhanh đã được triển khai trên thực tế.</p> <p>3. Chưa có phối hợp với cơ quan chuyên ngành trong kiểm soát hàng hóa chuyên phát nhanh (việc kiểm soát chuyên ngành vẫn thực hiện theo thủ tục thông thường)</p> <p>Đề xuất</p>
--	---	---

⁸Trong trường hợp một thành viên có thủ tục hiện hành qui định xử lý nhanh tại khoản 8.2, qui định này sẽ không yêu cầu Thành viên đó qui định các thủ tục xử lý nhanh riêng biệt.

⁹Các tiêu chí này, nếu có, phải được thêm vào các yêu cầu của Thành viên đối với hoạt động liên quan đến tất cả hàng hóa hoặc lô hàng được nhập bằng phương tiện vận tải hàng không.

<p>dụng an ninh nội bộ, giao nhận vận tải và công nghệ theo dõi từ khi nhận hàng đến khi gửi hàng;</p> <p>(e) cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho lô hàng từ khi nhận hàng đến khi giao hàng;</p> <p>(f) chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các loại thuế hải quan, phí và chi phí liên quan đến hàng hóa cho cơ quan hải quan;</p> <p>(g) có hồ sơ tuân thủ tốt với luật hải quan và các luật và qui định liên quan;</p> <p>(h) tuân thủ các điều kiện khác liên quan trực tiếp tới việc thực thi hiệu quả luật, các qui định và yêu cầu thủ tục của Thành viên, đặc biệt liên quan đến việc cung cấp xử lý được nêu tại khoản 8.2.</p> <p>8.2 Theo các khoản 8.1 và 8.3, các Thành viên phải:</p> <p>(a) giảm thiểu các chứng từ được yêu cầu đối với việc giải phóng các hàng hóa chuyển phát nhanh phù hợp với khoản 1 Điều 10 và, trong phạm vi có thể, qui định đối với việc giải phóng hàng dựa trên việc khai báo thông tin một lần đối với các lô hàng cụ thể;</p> <p>(b) qui định cho phép các lô hàng</p>	<p>- Quy định riêng về thủ tục nộp thuế, phí, lệ phí cho hàng chuyển phát nhanh theo đường hàng không</p>	<p>1. Bổ sung quy định về cơ chế kiểm soát chuyên ngành ưu tiên cho hàng chuyển phát nhanh vào Thông tư 100/2010/TT-BTC.</p>
---	---	--

chuyên phát nhanh được giải phóng trong các tình huống thông thường nhanh nhất có thể sau khi hàng đến, với điều kiện thông tin yêu cầu đối với việc giải phóng hàng đã được nộp;

- (c) nỗ lực áp dụng các biện pháp xử lý nhanh tại các mục(a) và (b) đối với các lô hàng bất kỳ trọng lượng hoặc trị giá nào, tuy nhiên Thành viên vẫn được thừa nhận quyền yêu cầu thêm thủ tục nhập cảnh, bao gồm tờ khai và tài liệu hỗ trợ cũng như thanh toán các khoản thuế và các loại thuế, và được quyền giới hạn cơ chế giải phóng nhanh theo các tiêu chí về loại hàng hóa, miễn là không phải tiêu chí hàng giá trị thấp giới hạn về hàng hóa có trị giá thấp, chẳng hạn như các chứng từ; và
- (d) quy định, trong phạm vi có thể, về mức *tối thiểu* trị giá hoặc số lượng thuế hải quan của lô hàng để được miễn thuế quan và các thuế khác, ngoại trừ một số loại hàng hóa nhất định đã được qui định. Thuế nội địa, chẳng hạn như thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt, áp dụng cho hàng nhập khẩu phù hợp với Điều

<p>III của Hiệp định GATT 1994, không theo qui định này.</p> <p>8.3 Các qui định trong khoản 8.1 và 8.2 không ảnh hưởng đến quyền của một Thành viên trong việc kiểm tra, cản trở, bắt giữ, tịch thu hoặc từ chối hàng hóa nhập cảnh, hoặc thực hiện kiểm tra sau thông quan, bao gồm việc sử dụng các hệ thống quản lý rủi ro. Ngoài ra, các qui định trong 8.1 và 8.2 không cản trở Thành viên yêu cầu, như một điều kiện để giải phóng hàng, nộp thông tin bổ sung và hoàn thành các yêu cầu cấp phép phi tự động.</p>		
<p>9 Hàng hóa dễ hư hỏng¹⁰</p> <p>9.1 Với mục đích ngăn chặn tổn thất hoặc thiệt hại có thể tránh được của hàng hóa dễ hư hỏng, và khi tất cả các yêu cầu về qui định đã được đáp ứng, mỗi Thành viên phải qui định đối với thông quan hàng hoá dễ bị hư hỏng:</p> <p>(a) trong những tình huống thông thường với thời gian ngắn nhất có thể; và</p> <p>(b) trong các trường hợp đặc biệt, khi thích hợp để thực hiện, ngoài giờ làm việc của Hải quan và các cơ quan liên quan khác.</p> <p>9.2 Mỗi Thành viên phải đưa ra mức ưu tiên hợp lý cho hàng hoá dễ hư hỏng khi lập kế hoạch kiểm tra cần thiết.</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 33 quy định hàng hóa là động vật, thực vật sống, khó bảo quản, hàng hóa đặc biệt khác được ưu tiên kiểm tra trước <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn thủ tục hải quan: không có quy định chi tiết về việc thông quan nhanh đối với hàng hóa dễ hư hỏng</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Hải quan mới chỉ có nguyên tắc chung và giới hạn về hình thức và đối tượng so với yêu cầu của TFA: <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ là ưu tiên kiểm tra trước - Không rõ mọi hàng hóa “khó bảo quản” đều thuộc diện này hay chỉ giới hạn ở “động vật, thực vật sống, khó bảo quản”? 2. Chưa có quy định cụ thể trong VBQPPL về tạo điều kiện thông quan nhanh cho hàng dễ bị hư hỏng. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung các điều khoản riêng về thông quan đối với hàng hóa dễ hư

¹⁰Đối với mục đích của qui định này, hàng hóa dễ hư hỏng là hàng hóa nhanh chóng phân hủy do đặc điểm tự nhiên của hàng hóa, đặc biệt trong trường hợp không có điều kiện bảo quản thích hợp.

<p>9.3 Mỗi Thành viên phải sắp xếp hoặc cho phép nhà nhập khẩu sắp xếp việc bảo quản thích hợp hàng hóa để hư hỏng đang chờ giải phóng. Thành viên đó có thể yêu cầu bất kỳ cơ sở bảo quản nào của các nhà nhập khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc di chuyển hàng hoá đến các cơ sở bảo quản này, bao gồm cả việc ủy quyền đối với doanh nghiệp di chuyển hàng hoá, có thể được các cơ quan có liên quan phê duyệt, khi được yêu cầu. Thành viên đó phải, khi phù hợp và tuân thủ theo pháp luật trong nước, theo yêu cầu của nhà nhập khẩu, qui định các thủ tục cần thiết đối với việc giải phóng hàng diễn ra tại các cơ sở bảo quản đó.</p> <p>9.4 Trường hợp thông quan hàng hoá để hư hỏng bị trì hoãn không hợp lý, và theo yêu cầu bằng văn bản, Thành viên nhập khẩu phải, trong phạm vi có thể, cung cấp thông tin về lý do cho sự chậm trễ đó.</p>		<p>hông vào Thông tư hướng dẫn thủ tục hải quan (và Nghị định 08/2015/NĐ-CP khi Nghị định này được sửa đổi), với ít nhất các nội dung như yêu cầu tại Khoản 9 Điều 7 TFA:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ khái niệm hàng để hư hỏng; - Nêu chi tiết các thủ tục nhằm giải phóng nhanh hàng để bị hư hỏng (bao gồm cả thủ tục kiểm tra khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, kiểm tra chuyên ngành...) - Nêu chi tiết các quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo quản hàng hóa
<p>ĐIỀU 8: PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ BIÊN GIỚI</p> <p>1. Mỗi Thành viên phải đảm bảo các cơ quan chịu trách nhiệm về kiểm soát biên giới và các thủ tục liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh hàng hóa hợp tác với nhau và phối hợp hoạt động nhằm tạo thuận lợi thương mại.</p> <p>2. Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể và khả thi, phối hợp trên cơ sở các điều khoản thoả thuận với các Thành viên khác có chung biên giới nhằm phối</p>	<p>Nghị định 34/2014/NĐ-CP về quy chế khu vực biên giới đất liền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13-21 quy định về trách nhiệm của từng cơ quan trong quản lý các hoạt động tại biên giới, trong đó có hoạt động kinh tế, xuất nhập khẩu <p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 24-35: phối hợp giữa cơ quan quản lý chuyên ngành và hải quan 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật nội địa không có quy định cụ thể về phối hợp giữa các cơ quan thực thi biên giới liên quan trực tiếp tới xuất nhập khẩu 2. Các Hiệp định, văn bản thỏa thuận giữa các cơ quan biên giới Việt Nam với đối tác chưa quy định rõ ràng về cơ chế phối hợp.

<p>hợp quy trình thủ tục tại các điểm qua lại biên giới nhằm tạo thuận lợi thương mại qua biên giới. Việc hợp tác và phối hợp như vậy có thể bao gồm:</p> <p>(a) thống nhất ngày giờ làm việc;</p> <p>(b) thống nhất các quy trình, thủ tục;</p> <p>(c) xây dựng và chia sẻ cơ sở hạ tầng chung;</p> <p>(d) kiểm tra chung;</p> <p>(e) thiết lập địa điểm kiểm tra một lần dừng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chương V: trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan hải quan và cơ quan khác trong phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại tại biên giới <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 33: Nguyên tắc trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tại cửa khẩu trong kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải <p>Quyết định 45/2013/QĐ-TTg về ban hành quy chế điều hành các hoạt động tại cửa khẩu đất liền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5: Nêu nguyên tắc phối hợp theo chức năng nhiệm vụ <p>(Bộ đội biên phòng, Hải quan và các lực lượng chức năng khác tại cửa khẩu thực hiện hoạt động quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật; Ban Quản lý cửa khẩu điều hành việc phối hợp thống nhất các hoạt động chuyên ngành của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đảm bảo sự đồng bộ, có trật tự, có nề nếp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính)</p> <p>Các VBQPPL về chức năng nhiệm vụ</p>	<p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan biên giới liên quan tới hải quan, xuất nhập khẩu hàng hóa vào Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư về thủ tục hải quan hoặc <i>Nghị định về các biện pháp phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về biên giới, hải quan, chuyên ngành trong quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu</i>(đề xuất xây dựng mới) 2. Tiếp tục thỏa thuận với các cơ quan có trách nhiệm của các quốc gia chung biên giới để phối hợp quy trình, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất, nhập khẩu hàng hóa
--	--	--

	<p>vụ của từng Bộ ngành, UBND đều có quy định về việc phối hợp với các đơn vị chức năng khác</p> <p>Các Hiệp định song phương với các nước chung biên giới về quản lý biên giới</p>	
<p>ĐIỀU 9: CHUYÊN HÀNG HÓA DƯỚI SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU</p> <p>Mỗi Thành viên phải, trong phạm vi có thể, và khi các yêu cầu về thủ tục đã được đáp ứng, cho phép hàng hóa nhập khẩu di chuyển trong lãnh thổ của mình dưới sự giám sát hải quan từ cơ quan hải quan này đến một cơ quan hải quan khác trong lãnh thổ của mình từ nơi hàng hóa được giải phóng hoặc thông quan.</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 64 quy định nguyên tắc về thủ tục và cơ chế đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan trong đó có hàng chuyển cửa khẩu - Điều 65 quy định về tuyến đường chuyển cửa khẩu <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 7, 43 đề cập tới hàng hóa chuyển cửa khẩu (quá cảnh) <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 43, 44 quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu đến cửa khẩu dưới sự giám sát của hải quan 	<p>Đánh giá</p> <p>Pháp luật VN đã đáp ứng yêu cầu cho phép hàng hóa di chuyển trong lãnh thổ từ cửa khẩu này tới cửa khẩu khác.</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không phải điều chỉnh, sửa đổi gì từ góc độ pháp luật</p>

ĐIỀU 10: CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ QUÁ CẢNH		
<p>1 Các yêu cầu về thủ tục và chứng từ</p> <p>1.1 Để giảm thiểu những ảnh hưởng và tính phức tạp về thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh cũng như để giảm bớt và đơn giản hoá các yêu cầu chứng từ nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh và có tính đến các mục tiêu chính sách chính đáng và các yếu tố khác như hoàn cảnh thay đổi, thông tin mới có liên quan và thực tiễn kinh doanh, tính sẵn có của kỹ thuật và công nghệ, thực tiễn tốt trên thế giới, mỗi Thành viên phải rà soát các yêu cầu về thủ tục và chứng từ, và dựa trên kết quả rà soát này, đảm bảo, một cách phù hợp, rằng các thủ tục và yêu cầu về chứng từ đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) được ban hành và/hoặc áp dụng nhằm giải phóng và thông quan nhanh hàng hoá, đặc biệt là hàng hóa dễ hư hỏng; (b) được ban hành và/hoặc áp dụng theo cách thức để giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho các thương nhân và các doanh nghiệp tuân thủ; (c) là biện pháp ít hạn chế thương mại nhất được lựa chọn khi có hai hoặc nhiều biện pháp thay thế sẵn có hợp lý để hoàn 	<p>Quá trình soạn thảo Luật Hải quan 2014, Việt Nam đã tiến hành rà soát các yêu cầu về thủ tục, chứng từ để cải cách hành chính, minh bạch hóa, thuận lợi hóa và phù hợp với yêu cầu của TFA.</p> <p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 93 quy định về trách nhiệm định kỳ rà soát VBQPPL để kịp thời kiến nghị sửa đổi, thay thế, bãi bỏ nếu phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình <p>Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hóa pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 3, 4: hoạt động rà soát VBPL phải được rà soát thường xuyên, ngay khi có căn cứ cho việc rà soát nhằm phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình - Các Điều khác quy định cụ thể về căn cứ, cách thức, xử lý kết quả rà soát 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã đáp ứng yêu cầu của TFA về rà soát các yêu cầu về thủ tục và chứng từ hải quan để tạo thuận lợi cho việc thực hiện các thủ tục hải quan. 2. Mặc dù TFA không quy định về việc rà soát định kỳ các thủ tục hành chính, tuy nhiên pháp luật VN cũng đã có các quy định về việc rà soát định kỳ để hoàn thiện pháp luật (chung, không tập trung riêng vào vấn đề hải quan) 3. Các hoạt động cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan trên thực tế được thực hiện khá thường xuyên thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình rà soát giảm giờ làm thủ tục - Các hoạt động đối thoại định kỳ để phát hiện bất cập và điều chỉnh cho phù hợp 4. Có khoảng cách đáng kể giữa các quy định pháp luật và thực tiễn thực thi. Việc rà soát thực tiễn chưa được hiệu quả như mong muốn. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Để hoạt động rà soát thủ tục hải

<p>thành (các) mục tiêu chính sách liên quan; và</p> <p>(d) không được duy trì, bao gồm các phần cấu thành của biện pháp đó, nếu không còn cần thiết.</p> <p>1.2 Ủy ban phải xây dựng các thủ tục để chia sẻ thông tin và các thông lệ tốt nhất có liên quan một cách hợp lý.</p>		<p>quan được thực hiện định kỳ và hiệu quả, có thể cân nhắc bổ sung quy định về rà soát định kỳ vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 08/2015/NĐ-CP (thậm chí bổ sung vào chính Nghị định này khi Nghị định này được sửa đổi)..</p>
<p>2 Chấp nhận bản sao</p> <p>2.1 Mỗi Thành viên, khi có thể, phải nỗ lực trong việc chấp thuận bản sao bằng giấy hoặc điện tử các chứng từ bổ sung cần thiết cho các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh.</p> <p>2.2 Khi một cơ quan chính phủ của một Thành viên đã giữ bản gốc chứng từ thì bất cứ một cơ quan nào khác của Thành viên đó phải chấp thuận bản sao bằng giấy hoặc điện tử có chứng thực bởi cơ quan giữ bản chính.</p> <p>2.3 Thành viên không được yêu cầu bản gốc hoặc bản sao tờ khai xuất khẩu nộp cho cơ quan hải quan của Thành viên xuất khẩu như là một yêu cầu đối với việc nhập khẩu.¹¹</p>	<p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, 6, 52, 57... về hồ sơ hải quan: chấp nhận bản chụp/sao Giấy đăng ký quyền XNK, Giấy chứng nhận đầu tư, Hóa đơn thương mại, Vận đơn/chứng từ vận tải khác, Giấy báo trúng thầu/chỉ định thầu, Hợp đồng ủy thác xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa, Giấy tờ chứng minh hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế... - Trong các Điều khoản về hồ sơ vẫn có các yêu cầu về bản chính, ví dụ Tờ khai hải quan, Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu, Tờ khai xác nhận viện trợ... 	<p>Đánh giá</p> <p>Pháp luật VN đã đáp ứng các yêu cầu của Khoản 2 Điều 10 TFA.</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật</p>

¹¹Khoản này không ngăn cản một Thành viên yêu cầu các chứng từ như giấy chứng nhận, giấy phép như một yêu cầu cho việc nhập khẩu các hàng hóa được kiểm soát hoặc quy định.

	<ul style="list-style-type: none"> - Không có yêu cầu về bản gốc/sao tờ khai xuất khẩu của nước ngoài đối với hàng nhập khẩu - Không có yêu cầu về bản gốc trong trường hợp bản gốc đang được giữ bởi cơ quan khác 	
<p>3 Sử dụng chuẩn mực quốc tế</p> <p>3.1 Khuyến khích các Thành viên sử dụng các chuẩn mực quốc tế có liên quan hoặc một phần các chuẩn mực này làm cơ sở cho thủ tục xuất nhập khẩu hoặc quá cảnh của mình, trừ trường hợp có qui định khác trong Hiệp định này.</p> <p>3.2 Khuyến khích các Thành viên tham gia, trong giới hạn nguồn lực của mình, để chuẩn bị và xem xét định kỳ các chuẩn mực quốc tế liên quan của các tổ chức quốc tế tương ứng.</p> <p>3.3 Ủy ban phải xây dựng các thủ tục để các Thành viên chia sẻ các thông tin liên quan, và các thông lệ tốt nhất, về việc thực hiện các chuẩn mực quốc tế, khi phù hợp.</p> <p>Ủy ban cũng có thể mời các tổ chức quốc tế có liên quan thảo luận về công việc của mình về các chuẩn mực quốc tế. Khi phù hợp, Ủy ban có thể xác định các chuẩn mực cụ thể có giá trị đặc biệt với các Thành viên.</p>	<p>Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5: Trong trường hợp điều ước quốc tế quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế; <p>Cho phép áp dụng tập quán, thông lệ quốc tế liên quan đến hải quan trong các điều kiện cụ thể.</p> <p>Luật Điều ước quốc tế 2005</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 6: Quy định của Điều ước quốc tế được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có mâu thuẫn với quy định của pháp luật nội địa 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN về nguyên tắc đã tuân thủ các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực hải quan do <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam đã tham gia WCO và một số Công ước WCO, việc xây dựng, áp dụng pháp luật nội địa tuân thủ các thông lệ, yêu cầu về hải quan trong WCO theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế - Việt Nam cũng chấp nhận các thông lệ quốc tế về hải quan <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật</p>
4 Một cửa	Luật Hải quan	Đánh giá

<p>4.1 Các Thành viên phải cố gắng duy trì hoặc thiết lập hệ thống “Một cửa”, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nộp các chứng từ và/hoặc yêu cầu dữ liệu hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh thông qua một điểm duy nhất cho các cơ quan tham gia. Sau khi các cơ quan tham gia kiểm tra chứng từ và/hoặc dữ liệu, các kết quả phải được thông báo tới người nộp đơn thông qua hệ thống Một cửa một cách kịp thời.</p> <p>4.2 Trong những trường hợp chứng từ và/hoặc các yêu cầu dữ liệu đã được hệ thống một cửa tiếp nhận, các cơ quan tham gia không được yêu cầu các chứng từ và/hoặc các dữ liệu tương tự ngoại trừ những tình huống khẩn cấp và các ngoại lệ khác đã được công bố.</p> <p>4.3 Các Thành viên phải thông báo cho Ủy ban chi tiết việc thực hiện hệ thống Một cửa.</p> <p>4.4 Các Thành viên phải, trong điều kiện cho phép và có thể, sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ hệ thống Một cửa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 4, 24, 25, 66: Đã dự liệu về cơ chế một cửa quốc gia và nguyên tắc sơ khởi cho việc cung cấp thông tin/ra quyết định qua cơ chế này <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 7: Nguyên tắc vận hành của cơ chế một cửa quốc gia - Điều 8: Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước liên quan trong triển khai thực hiện cơ chế một cửa quốc gia <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quy định chi tiết về thủ tục đều có dự kiến thủ tục đối với trường hợp cơ chế một cửa quốc gia được áp dụng <p>Quyết định 48/2011/QĐ-TTg về thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 2: Thực hiện thí điểm với 6 Bộ; với một số nội dung được liệt kê - Điều 3: Nguyên tắc về trách nhiệm của doanh nghiệp trong tham gia cơ chế một 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã có dự kiến về Cơ chế một cửa hải quan quốc gia sử dụng hoàn toàn hệ thống thông tin điện tử nhưng chưa có quy định cụ thể, áp dụng chung về việc vận hành Cơ chế này. <p>Pháp luật VN đã có quy định về thí điểm thực hiện Cơ chế một cửa hải quan quốc gia trong phạm vi hạn chế, mang tính thăm dò.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Trên thực tế <ul style="list-style-type: none"> - VN mới chỉ đang triển khai về kỹ thuật chuẩn bị cho Cơ chế này. Đã thực hiện kết nối kỹ thuật trong một số khía cạnh giữa 03 cơ quan liên quan tới hải quan, bao gồm Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính. - Các hoạt động không thuộc diện thí điểm hoặc chưa được triển khai trên thực tế dù được quy định là thuộc diện thí điểm được thực hiện theo cách thức thông thường (nhiều cửa, điện tử hoặc phi điện tử) <p>Từ cả góc độ pháp luật và thực tiễn cho thấy VN đã đang nỗ lực hướng tới triển khai Cơ chế một cửa nhưng những nỗ lực mới chỉ là ban đầu, còn xa so với kỳ vọng và vì vậy chưa thực sự đáp ứng yêu cầu tại Khoản 4 Điều 10 TFA trong việc “cố gắng thiết lập hệ thống một cửa quốc gia”.</p> <p>Đề xuất</p>
--	--	--

	<p>cửa quốc gia</p> <p>Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan giữa 03 Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quy định về cách thức triển khai, phối hợp giữa các cơ quan và với doanh nghiệp trong thí điểm cơ chế một cửa ở các nội dung nhất định 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp tục đẩy nhanh các nỗ lực về kỹ thuật và cơ chế để chính thức đưa vào vận hành một phần và tiến tới hiện thực hóa Cơ chế một cửa quốc gia 2. Từ góc độ pháp luật, đề xuất nghiên cứu mở rộng phạm vi thí điểm Cơ chế một cửa quốc gia tại Quyết định 48/2011/QĐ-TTg.
<p>5 Việc kiểm tra trước khi giao hàng lên tàu</p> <p>5.1 Các Thành viên không được yêu cầu kiểm tra hàng trước khi lên tàu liên quan đến phân loại thuế quan và trị giá hải quan.</p> <p>5.2 Không ảnh hưởng đến quyền của Thành viên sử dụng các loại kiểm tra trước khi giao hàng khác không thuộc khoản 5.1, khuyến khích Thành viên không giới thiệu hoặc áp dụng các yêu cầu mới về việc sử dụng của mình.¹²</p>	<p>Luật Hải quan và các Dự thảo văn bản hướng dẫn</p> <p>Các văn bản hiện hành hướng dẫn thủ tục hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có quy định nào về việc buộc kiểm tra hàng trước khi lên tàu để phân loại thuế quan và trị giá hải quan - Các quy định liên quan tới thủ tục phân loại thuế quan, trị giá hải quan không có yêu cầu giấy tờ liên quan tới kiểm tra trước khi hàng lên tàu 	<p>Đánh giá</p> <p>Pháp luật VN đã đáp ứng yêu cầu của Khoản 5 Điều 10 TFA.</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật.</p>
<p>6 Sử dụng Đại lý hải quan</p> <p>6.1 Không ảnh hưởng đến những lo ngại chính sách quan trọng của một số</p>	<p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5.5: Người khai hải 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu của Khoản 6 Điều 10 TFA

¹² Khoản này đề cập đến kiểm tra trước khi giao hàng được quy định trong Hiệp định Kiểm tra trước khi giao hàng, và không loại trừ việc kiểm tra trước khi giao hàng đối với các mục đích vệ sinh dịch tễ.

<p>Thành viên hiện đang duy trì một vai trò đặc biệt đối với các đại lý hải quan, khi Hiệp định này có hiệu lực, các Thành viên không được yêu cầu bắt buộc sử dụng đại lý hải quan.</p> <p>6.2 Thành viên phải thông báo cho Ủy ban và công bố các biện pháp sử dụng đại lý hải quan của mình. Các sửa đổi sau đó được thông báo cho Ủy ban và công bố kịp thời.</p> <p>6.3 Liên quan đến việc cấp giấy phép đại lý hải quan, các Thành viên phải áp dụng các quy định về minh bạch và khách quan.</p>	<p>quan có thể là đại lý hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5.1: Bắt buộc sử dụng đại lý hải quan nếu chủ hàng là thương nhân nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam <p>Thông tư 12/2015/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan <p>Nghị định số 14/2011/NĐ-CP về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan</p> <p>Thông tư 80/2011/TT-BTC hướng dẫn Nghị định nói trên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định đại lý hải quan là ngành nghề kinh doanh có điều kiện (dưới dạng Giấy phép kinh doanh “Xác nhận thông báo đăng ký hoạt động đại lý hải quan” và Chứng chỉ hành nghề “Thẻ nhân viên đại lý hải quan”) - Các quy định đã làm rõ các điều kiện, thủ tục đăng ký làm đại lý hải quan 	<p>theo đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không bắt buộc phải sử dụng đại lý hải quan, đại lý hải quan chỉ là một trong nhiều chủ thể có quyền làm thủ tục hải quan; - Đối với trường hợp bắt buộc sử dụng đại lý hải quan với thương nhân nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam: trường hợp này có thể xem như ngoại lệ được phép trong TFA, liên quan tới chính sách riêng của Việt Nam đối với thương nhân nước ngoài; - Đã quy định rõ về các điều kiện cấp phép cho hoạt động đại lý hải quan. <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật.</p>
<p>7 Các thủ tục quản lý biên giới và yêu cầu chứng từ chung</p>	<p>Các VBQPPL về thủ tục hải quan đều là các văn bản có giá trị áp</p>	<p>Đánh giá</p>

<p>7.1 Mỗi Thành viên phải, theo khoản 7.2, áp dụng các thủ tục hải quan và yêu cầu chứng từ để giải phóng và thông quan hàng hoá thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ của mình.</p> <p>7.2 Điều này không ngăn cản một Thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) phân biệt các thủ tục và yêu cầu quản lý dựa trên tính chất, loại hàng hóa, hoặc phương tiện vận tải; (b) phân biệt các thủ tục và yêu cầu quản lý đối với hàng hóa dựa trên quản lý rủi ro; (c) phân biệt các thủ tục và yêu cầu quản lý để qui định miễn hoàn toàn hoặc một phần thuế hoặc phí nhập khẩu; (d) áp dụng nộp và xử lý điện tử; hoặc (e) phân biệt các thủ tục và yêu cầu quản lý một cách phù hợp với Hiệp định về các biện pháp vệ sinh dịch tễ. 	<p>dụng chung, thống nhất đối với mọi tổ chức, cá nhân liên quan và trên toàn lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Thẩm quyền ban hành các quy định áp dụng riêng trong khu vực địa lý hành chính nhất định của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân không bao gồm các quy định liên quan tới thủ tục hải quan.</p>	<p>Pháp luật VN đã đáp ứng yêu cầu tại Khoản 7 Điều 10 TFA.</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật.</p>
<p>8 Hàng hoá bị từ chối</p> <p>8.1 Trường hợp hàng hóa xuất trình cho nhập khẩu bị cơ quan có thẩm quyền của Thành viên từ chối do hàng hóa không đáp ứng được các qui định về vệ sinh và kiểm dịch thực vật hoặc quy chuẩn kỹ thuật, Thành viên đó phải, trừ</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 58 quy định về các biện pháp xử lý hàng tồn đọng trong từng trường hợp hàng tồn đọng nhưng không bao gồm hàng tồn đọng do không đáp ứng điều kiện nhập khẩu 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN hiện hành đã đáp ứng yêu cầu của TFA về việc cho phép tái xuất hàng không đáp ứng điều kiện nhập khẩu về TBT, SPS 2. Pháp luật VN chưa đáp ứng yêu cầu chi tiết của TFA về vấn đề này ở các

<p>trường hợp pháp luật của mình quy định, cho phép nhà nhập khẩu tái ký gửi hoặc trả lại hàng hóa bị từ chối cho nhà xuất khẩu hoặc người khác do nhà xuất khẩu chỉ định.</p> <p>8.2 Khi biện pháp xử lý được đưa ra và nhà nhập khẩu không thực hiện được trong một thời hạn hợp lý, cơ quan có thẩm quyền có thể thực hiện các động thái khác nhau xử lý các hàng hóa không tuân thủ đó.</p>	<p>về vệ sinh dịch tễ/tiêu chuẩn kỹ thuật;</p> <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 86.4 quy định về tiêu hủy lô hàng đổ vỡ, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu kho - Điều 96 quy định về xử lý nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế bị hư hỏng, giảm phẩm chất không đáp ứng được yêu cầu sản xuất nữa <p>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy định về xử lý kết quả kiểm tra chuyên ngành <p>Thông tư 128/2013/TT-BTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 27 quy định 03 hình thức xử lý đối với hàng không đạt điều kiện nhập khẩu sau khi kiểm tra chuyên ngành, bao gồm tái chế, buộc tiêu hủy, buộc tái xuất 	<p>khía cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có quy định cụ thể về các tiêu chí để cơ quan hải quan quyết định lựa chọn cho tái chế, buộc tiêu hủy hay tái xuất (vì vậy không chắc là trong mọi trường hợp đều có thể tái xuất) - Không có quy định trực tiếp về các biện pháp xử lý trong trường hợp nhà nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu xử lý đối với hàng không đủ điều kiện nhập khẩu (chỉ quy định về biện pháp xử lý đối với hàng tồn đọng vì các lý do khác) <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung vào Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK 01 điều khoản về: <ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện, tiêu chí để xác định biện pháp xử lý đối với hàng hóa không đáp ứng các điều kiện nhập khẩu về TBT/SPS - Các biện pháp xử lý trong trường hợp nhà nhập khẩu không đáp ứng được yêu cầu tái chế/buộc tiêu hủy/tái xuất <p>Trong tương lai khi sửa Nghị định 08/2015/NĐ-CP đề nghị bổ sung 01 điều khoản như nói trên ngay trong Nghị định.</p>
<p>9 Tạm quản hàng hoá và Gia công hàng hoá trong nước và tại nước ngoài</p>	<p>Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2011</p>	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật VN đã đáp ứng yêu cầu tại

9.1 Tạm quản hàng hoá

Mỗi Thành viên phải cho phép hàng hoá, như qui định trong luật và các qui định của mình, được đưa vào trong lãnh thổ hải quan và được miễn một phần hoặc toàn bộ có điều kiện các khoản thuế nhập khẩu và các thuế khác nếu những hàng hoá đó được đưa vào lãnh thổ hải quan vì mục đích cụ thể, sẽ tái xuất trong một thời hạn nhất định và không trải qua bất kỳ thay đổi nào trừ việc hao mòn tự nhiên do việc sử dụng chúng.

9.2 Gia công hàng hoá trong nước và ở nước ngoài

(a) Mỗi Thành viên phải cho phép, theo luật và qui định nước mình, gia công hàng hoá trong nước và ở nước ngoài. Hàng hóa được cho phép gia công ở nước ngoài có thể được tái nhập và được miễn một phần hoặc toàn bộ thuế nhập khẩu và các thuế khác phù hợp với luật và các qui định của các Thành viên.

(b) Đối với mục đích của Điều này, thuật ngữ “gia công trong nước” có nghĩa là thủ tục hải quan mà theo đó một số hàng hoá có thể được mang vào lãnh thổ hải quan của một Thành viên và được miễn một phần, hoặc toàn bộ có điều

- Điều 3: Đối tượng không chịu thuế XNK bao gồm cả hàng hóa quá cảnh, chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan
- Điều 16 về hàng hóa miễn thuế XNK trong đó có
 - + hàng tạm nhập tái xuất để tham dự hội chợ, triển lãm;
 - + máy móc thiết bị để phục vụ công việc trong khoảng thời gian nhất định

+ hàng nhập khẩu để gia công cho nước ngoài rồi xuất khẩu hoặc hàng xuất khẩu để gia công rồi nhập khẩu trở lại VN

Luật Hải quan

- Điều 59,60: Thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu để gia công
- Điều 53: Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân

Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn Luật Hải quan:

- Các Điều khoản quy định cụ thể về thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, hàng hóa di chuyển

Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với

Khoản 9 Điều 10 TFA về:

- Không đánh thuế nhập khẩu với hàng hóa tạm nhập cho một mục đích cụ thể và sẽ tái xuất sau một thời gian nhất định
 - Không đánh thuế XNK đối với hàng hóa xuất/nhập khẩu để gia công rồi tái nhập/xuất khẩu
2. Pháp luật VN cũng đã có quy định về trình tự, thủ tục hải quan riêng đối với các loại hàng hóa thuộc diện này

Đề xuất

Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì từ góc độ pháp luật

<p>kiện các khoản thuế nhập khẩu và các thuế khác, hoặc có đủ điều kiện để hoàn thuế, trên cơ sở những hàng hoá đó sẽ được xuất khẩu sau khi được sản xuất, gia công, hoặc sửa chữa.</p> <p>(c) Đối với mục đích của Điều này, thuật ngữ “gia công ở nước ngoài” có nghĩa là thủ tục hải quan mà theo đó hàng hoá được lưu thông tự do trong lãnh thổ hải quan của một Thành viên có thể được tạm xuất để sản xuất, gia công hoặc sửa chữa ở nước ngoài và sau đó tái nhập.</p>	<p>thương nhân nước ngoài, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điều khoản quy định chi tiết về thủ tục hải quan riêng cho loại hàng hóa này 	
<p>ĐIỀU 11: TỰ DO QUÁ CẢNH</p> <p>1. Các qui định hoặc thủ tục liên quan đến vận tải quá cảnh được áp đặt bởi một Thành viên không được:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) duy trì nếu các trường hợp, hoặc mục tiêu dẫn đến việc áp dụng của Thành viên không còn tồn tại hoặc nếu hoàn cảnh, mục tiêu đã thay đổi có thể được giải quyết theo cách ít hạn chế thương mại hơn; (b) áp dụng một cách có thể tạo thành một hạn chế trá hình về vận tải quá cảnh. <p>2. Không được lấy việc thu các khoản phí hoặc lệ phí áp dụng đối với vận chuyển làm điều kiện cho việc vận</p>	<p>Luật Hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 38, 64: Hàng hóa quá cảnh là hàng hóa chịu giám sát hải quan - Điều 65: Tuyến đường vận tải quá cảnh do Bộ GTVT quy định - Các quy định liên quan tới khai và xử lý hồ sơ trước khi hàng đến áp dụng chung, không phân biệt hàng nhập khẩu/xuất khẩu hay quá cảnh <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 34 quy định về giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh <p>Nghị định 187/2013/NĐ-CP hướng</p>	<p>Đánh giá</p> <p>Pháp luật VN đã đảm bảo tất cả các yêu cầu tại Điều 11 TFA</p> <p>Đề xuất</p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì từ góc độ pháp luật</p>

chuyên quá cảnh, ngoại trừ phí vận chuyển hoặc những chi phí tương xứng với chi phí hành chính gắn với việc quá cảnh, hoặc tương xứng với chi phí của dịch vụ bỏ ra.

3. Các Thành viên không được tìm kiếm, giữ hay duy trì các rào cản tự nguyện nào hay bất cứ biện pháp tương tự nào đối với vận tải quá cảnh. Điều này không ảnh hưởng đến qui định quốc gia hiện tại và tương lai, thoả thuận song phương hoặc đa phương liên quan đến qui định về vận tải, phù hợp với qui định của WTO.

4. Mỗi Thành viên phải dành cho các hàng hóa sẽ được quá cảnh qua lãnh thổ của bất cứ Thành viên nào khác đối xử không kém ưu đãi hơn những sản phẩm được vận chuyển từ nơi xuất xứ đến đích mà không đi qua lãnh thổ của Thành viên khác đó.

5. Khuyến khích các Thành viên, trong khả năng có thể, xây dựng cơ sở hạ tầng riêng biệt (như đường, bến tàu và những khu vực tương tự) cho vận tải quá cảnh.

6. Các thủ tục, yêu cầu về hồ sơ, và kiểm soát Hải quan với vận tải quá cảnh không nên khắt khe quá mức cần thiết nhằm:

(a) nhận dạng hàng hóa; và

(b) đảm bảo đáp ứng các yêu cầu

dẫn Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, đại lý mua bán hàng hóa, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài

- Điều 40: Các loại hàng hóa tự do quá cảnh, loại hàng hóa được quá cảnh theo giấy phép; Cơ chế đối với hàng quá cảnh

Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK:

- Điều 48-50: Thủ tục hải quan đối với hàng chịu sự giám sát hải quan (trong đó có hàng quá cảnh) trong đó:
 - + Tờ khai hải quan riêng cho hàng hóa quá cảnh
 - + Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong
 - + Việc vận chuyển hàng hóa phải được đăng ký theo tuyến đường riêng, và phải được ghi nhận khi đi và khi đến vào hệ thống kiểm soát của hải quan
 - + Không có thủ tục kiểm tra chuyên ngành TBT/SPS đối với hàng quá cảnh (việc kiểm tra hàng hóa, nếu có, chỉ nhằm xác nhận tình trạng hàng hóa và niêm phong)

<p>quá cảnh.</p> <p>7. Một khi hàng hóa đã được làm thủ tục quá cảnh và được phép vận chuyển từ điểm xuất phát trong lãnh thổ một nước Thành viên, hàng hóa đó sẽ không phải chịu phí hải quan, thủ tục cũng như sự trì hoãn hay hạn chế không cần thiết cho đến khi kết thúc quá trình quá cảnh tại điểm đích trong lãnh thổ của Thành viên đó.</p> <p>8. Các Thành viên không áp dụng các quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá hợp chuẩn trong khuôn khổ Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại về hàng hóa quá cảnh.</p> <p>9. Các Thành viên phải cho phép nộp và xử lý các hồ sơ và dữ liệu quá cảnh trước khi hàng đến.</p> <p>10. Khi hàng hóa quá cảnh tới chi cục Hải quan nơi tiên hành làm thủ tục xuất cảnh khỏi lãnh thổ của Thành viên, chi cục Hải quan này phải nhanh chóng làm thủ tục kết thúc hoạt động quá cảnh nếu đã đáp ứng các yêu cầu quá cảnh.</p> <p>11. Các Thành viên có thể yêu cầu một bảo đảm dưới các hình thức khoản bảo lãnh, đặt cọc hoặc công cụ bằng tiền mặt hoặc không bằng tiền mặt¹³ đối với vận tải quá cảnh, bảo lãnh đó phải được giới hạn để đảm bảo rằng các yêu cầu phát sinh từ vận tải quá cảnh như vậy được đáp ứng.</p>	<p>Thông tư 172/2010/TT-BTC hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục có nêu lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh - Lệ phí hàng hoá, phương tiện vận tải quá cảnh phải nộp ngay khi làm thủ tục cho hàng hoá, phương tiện vận tải quá cảnh: Mức lệ phí đã được điều chỉnh giảm, loại lệ phí cũng được cắt bớt so với Quyết định 73/2006/QĐ-BTC - Đối với phương tiện vận tải quá cảnh chỉ thực hiện thu lệ phí làm thủ tục hải quan 01 lần khi làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu nhập, không thu lệ phí khi làm thủ tục xuất cảnh <p>Thông tư 15/2014/TT-BGTVT hướng dẫn về tuyến đường vận chuyển hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cơ sở hạ tầng riêng cho vận tải quá cảnh - Phụ lục quy định các tuyến đường cố định giữa các cặp 	
---	--	--

¹³Quy định này không ngăn cản Thành viên duy trì các thủ tục hiện hành theo đó phương tiện vận tải có thể được sử dụng như một khoản bảo lãnh cho giao thông quá cảnh.

12. Một khi Thành viên khẳng định rằng những yêu cầu quá cảnh đã được đáp ứng, thì khoản bảo lãnh sẽ được giải phóng không chậm trễ.

13. Mỗi Thành viên phải, một cách phù hợp với luật và các qui định của mình, cho phép các khoản bảo lãnh cộng gộp bao gồm nhiều giao dịch, cho những doanh nghiệp giống nhau hoặc tái bảo lãnh cho các lô hàng tiếp theo.

14. Mỗi Thành viên phải công bố những thông tin có liên quan Thành viên đó sử dụng để thiết lập khoản bảo đảm, bao gồm cả bảo đảm cho một giao dịch và, nếu có thể, đảm bảo cho nhiều giao dịch.

15. Thành viên có thể yêu cầu áp tải Hải quan với vận tải quá cảnh chỉ trong trường hợp có rủi ro cao hoặc khi việc tuân thủ pháp luật hải quan và các qui định không được đảm bảo qua việc sử dụng các khoản bảo đảm. Các quy tắc chung áp dụng đối với áp tải Hải quan phải được công bố công khai theo Điều 1.

16. Các Thành viên cần nỗ lực hợp tác và phối hợp với các Thành viên khác để thúc đẩy tự do quá cảnh. Những nỗ lực hợp tác và phối hợp này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn về:

(a) phí;

(b) yêu cầu về thủ tục và pháp lý; và

(c) hoạt động thực tế của các cơ chế quá cảnh.

cửa khẩu sử dụng cho vận tải quá cảnh

- Không có quy định nào về khoản bảo lãnh, đặt cọc cho vận tải quá cảnh

Luật Ban hành VBQPPL

- Điều 93 quy định về trách nhiệm định kỳ rà soát VBQPPL để kịp thời kiến nghị sửa đổi, thay thế, bãi bỏ nếu phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình

Hiệp định về vận tải xuyên biên giới giữa các nước khu vực sông Mekong (CBTA) ký năm 1999

giữa Việt Nam – Lào – Thái Lan và có thêm Campuchia năm 2001, Trung Quốc 2002 và Myanmar 2003

- Quy định về vận tải quá cảnh (miễn kiểm tra thực tế, bảo lãnh, kiểm tra SPS...)

<p>17. Mỗi Thành viên phải nỗ lực cử ra một đầu mối điều phối quốc gia để giải đáp những câu hỏi và đề xuất đưa ra của các nước Thành viên khác liên quan tới vận hành tốt hoạt động quá cảnh.</p>		
<p>ĐIỀU 12: HỢP TÁC HẢI QUAN</p> <p>1 Các biện pháp thúc đẩy tuân thủ và hợp tác</p> <p>1.1 Các Thành viên nhất trí về tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng các thương nhân nhận thức được nghĩa vụ tuân thủ, khuyến khích tuân thủ tự nguyện để cho phép nhà nhập khẩu tự sửa lỗi mà không chịu hình phạt trong các trường hợp thích hợp và áp dụng các biện pháp tuân thủ để bắt đầu các biện pháp mạnh mẽ hơn đối với doanh nghiệp không tuân thủ.¹⁴</p> <p>1.2 Khuyến khích các Thành viên chia sẻ thông tin về các thông lệ tốt nhất về quản lý tuân thủ hải quan, bao gồm qua Ủy ban tạo thuận lợi thương mại. Khuyến khích các Thành viên hợp tác trong hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật trong xây dựng năng lực đối với các mục đích của các biện pháp quản lý tuân thủ, và tăng cường tính hiệu quả của các biện pháp đó.</p> <p>2 Trao đổi thông tin</p> <p>2.1 Theo yêu cầu, và theo các qui định của điều này, các Thành viên phải trao đổi thông tin và tùy thuộc vào qui định</p>	<p>Các Hiệp định hợp tác tương trợ trong lĩnh vực hải quan (song phương, đa phương) mà Việt Nam ký kết với các đối tác</p> <p>Có quy định về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại thông tin, trường hợp trao đổi thông tin, thủ tục trao đổi thông tin - Điều kiện, trình tự thủ tục xác minh tờ khai hải quan theo yêu cầu của đối tác, trong đó có vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> + Chi phí + Nguồn lực + Hình thức xác minh + Bảo mật thông tin trao đổi... 	<p>Đánh giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. VN đã có các Hiệp định, thỏa thuận với các đối tác về vấn đề này và đã triển khai thực hiện trên thực tế 2. Các hoạt động hợp tác hải quan hiện được thực hiện trong khuôn khổ có đi có lại, theo các Hiệp định với đối tác cụ thể, chưa mở rộng ra tất cả các đối tác WTO. <p>Đề xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cân nhắc cơ chế phối hợp, hợp tác về hải quan ở các tiêu chuẩn tối thiểu như tại Điều 12 TFA chung cho <i>tất cả các đối tác thương mại</i> (mặc dù đây không phải nghĩa vụ bắt buộc, chỉ là hoạt động khuyến khích làm trong TFA nhưng là việc khả thi, có ý nghĩa thực tiễn lớn).

¹⁴Hoạt động như vậy có mục tiêu tổng thể của việc giảm tần số không tuân thủ, và do đó giảm nhu cầu trao đổi thông tin trong việc theo đuổi của việc thực thi.

của Điều này, Thành viên phải trao đổi cách thông tin qui định tại khoản 6.1(b) và/hoặc (c) đối với mục đích xác minh tờ khai xuất nhập khẩu trong trường hợp xác định khi có căn cứ hợp lý để nghi ngờ độ trung thực và chính xác của tờ khai.

2.2 Mỗi Thành viên phải thông báo cho Ủy ban chi tiết đầu mỗi liên lạc của mình đối với việc trao đổi các thông tin này.

3 Xác minh

Thành viên phải thực hiện một yêu cầu thông tin chỉ sau khi đã tiến hành các thủ tục xác minh thích hợp của một tờ khai xuất nhập khẩu và sau khi đã kiểm tra các tài liệu liên quan sẵn có.

4 Yêu cầu

4.1 Thành viên yêu cầu phải cung cấp cho Thành viên được yêu cầu một văn bản tóm tắt yêu cầu, bằng giấy hoặc phương tiện điện tử bằng một ngôn ngữ của WTO các bên đồng ý hoặc ngôn ngữ khác, bao gồm:

- (a) vấn đề bao gồm, khi phù hợp và sẵn có, số lượng tờ khai xuất khẩu tương ứng với tờ khai nhập khẩu trong yêu cầu;
- (b) mục đích mà Thành viên yêu cầu cung cấp thông tin hoặc các chứng từ, cùng với tên địa chỉ của các cá nhân mà yêu cầu có liên quan đến cá nhân đó về yêu cầu liên quan, nếu

biết;

- (c) khi được yêu cầu bởi bên yêu cầu, cung cấp thông tin¹⁵ của việc xác minh khi phù hợp;
- (d) thông tin cụ thể hoặc các chứng từ yêu cầu;
- (e) số hiệu của nhân viên đưa ra yêu cầu;
- (f) tài liệu tham khảo đối với các qui định của pháp luật quốc gia và hệ thống pháp lý của Thành viên yêu cầu chi phối việc thu, bảo vệ, sử dụng, tiết lộ, lưu giữ và xử lý bí mật thông tin và dữ liệu cá nhân.

4.2 Nếu Thành viên yêu cầu không tuân thủ các qui định của mục 4.1, Thành viên đó phải chỉ rõ điều này trong yêu cầu.

5 Bảo vệ và bảo mật thông tin

5.1 Thành viên yêu cầu phải, theo khoản 5.2:

- (a) giữ tất cả các thông tin hoặc chứng từ Thành viên được yêu cầu cung cấp nghiêm ngặt về tính bảo mật và đảm bảo ít nhất cùng một mức độ bảo vệ và bảo mật như đã được pháp luật quốc gia và hệ thống pháp lý qui định của Thành viên

¹⁵Điều này có thể bao gồm thông tin cần thiết về việc xác minh thực hiện theo khoản 12.3. Thông tin đó phải chịu mức độ bảo vệ và bảo mật theo qui định của thành viên tiến hành xác minh.

được yêu cầu qui định trong khoản 6.1(b) or (c);

- (b) chỉ cung cấp thông tin hoặc chứng từ cho cơ quan hải quan giải quyết vấn đề về sử dụng thông tin hoặc chứng từ chỉ với mục đích nêu trong yêu cầu trừ khi Thành viên được yêu cầu đồng ý bằng văn bản;
- (c) không tiết lộ thông tin hoặc chứng từ mà không có sự cho phép bằng văn bản cụ thể của Thành viên được yêu cầu;
- (d) không sử dụng các thông tin hoặc chứng từ chưa được xác minh từ Thành viên được yêu cầu khi yếu tố quyết định hướng tới giảm nghi ngờ trong một số tình huống nhất định;
- (e) tôn trọng các điều kiện trường hợp cụ thể được đặt ra bởi các Thành viên được yêu cầu liên quan đến lưu giữ và xử lý các thông tin hoặc chứng từ bí mật, và dữ liệu cá nhân; và
- (f) theo yêu cầu, thông báo cho Thành viên được yêu cầu các quyết định và hành động được thực hiện khi kết quả của các thông tin hoặc chứng từ được cung cấp.

5.2 Thành viên yêu cầu có thể không,

theo pháp luật quốc gia và hệ thống pháp lý, tuân thủ theo các qui định của mục 5.1. Nếu vậy, Thành viên yêu cầu phải nêu rõ điều này trong yêu cầu.

5.3 Thành viên được yêu cầu phải xử lý các yêu cầu và thông tin xác minh tiếp nhận theo khoản 4 với ít nhất cùng một mức độ bảo vệ và bảo mật theo Thành viên được đối với thông tin tương tự riêng của mình.

6 Cung cấp thông tin

6.1 Theo các qui định của Điều này, Thành viên được yêu cầu phải kịp thời:

- (a) trả lời bằng văn bản, thông qua phương tiện bằng giấy hoặc điện tử;
- (b) cung cấp thông tin cụ thể như được qui định trong tờ khai nhập khẩu hoặc xuất khẩu, hoặc tờ khai, đến mức có thể, cùng với một bản mô tả về mức độ bảo vệ và bảo mật được yêu cầu của Thành viên yêu cầu;
- (c) nếu được yêu cầu, cung cấp các thông tin cụ thể được qui định trong các chứng từ sau, hoặc các chứng từ nộp để hỗ trợ tờ khai nhập khẩu hoặc xuất khẩu, đến mức có thể: hoá đơn thương mại, bảng kê đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ và vận đơn, trong hình thức mà các chứng từ đó đã

được đệ trình, bằng giấy hoặc điện tử, cùng với một bản mô tả về mức độ bảo vệ và bảo mật được yêu cầu của Thành viên yêu cầu;

- (d) xác nhận rằng các chứng từ được cung cấp là sao y bản chính;
- (e) cung cấp thông tin hoặc nếu đáp ứng yêu cầu, đến mức có thể, trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6.2 Thành viên được yêu cầu có thể yêu cầu, theo pháp luật quốc gia và hệ thống pháp lý, một sự bảo đảm trước khi cung cấp thông tin mà những thông tin cụ thể sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong điều tra hình sự, tố tụng tư pháp, hoặc trong thủ tục tố tụng không hải quan mà không có sự cho phép cụ thể bằng văn bản của Thành viên được yêu cầu. Nếu Thành viên yêu cầu không tuân thủ các yêu cầu, Thành viên này cần thông báo điều này cho Thành viên được yêu cầu.

7 Hoãn hoặc từ chối một yêu cầu

7.1 Thành viên được yêu cầu có thể trì hoãn hoặc từ chối một phần hoặc toàn bộ các yêu cầu về cung cấp thông tin, và do đó phải thông báo cho Thành viên yêu cầu những lý do để làm như vậy, khi:

- (a) yêu cầu đó trái với lợi ích công cộng như được qui định trong pháp luật quốc gia và hệ thống

pháp lý của Thành viên được yêu cầu;

- (b) pháp luật quốc gia và hệ thống pháp lý của Thành viên ngăn cản việc tiết lộ các thông tin đó. Trong trường hợp này Thành viên phải cung cấp cho Thành viên yêu cầu một bản sao của tài liệu tham khảo cụ thể có liên quan;
- (c) việc cung cấp các thông tin cản trở việc thực thi pháp luật hoặc can thiệp việc kiểm tra hành chính hoặc tư pháp đang tiến hành, truy tố hoặc thực hiện;
- (d) sự đồng thuận của nhà nhập khẩu hoặc xuất khẩu được pháp luật trong nước và hệ thống pháp lý qui định chi phối việc thu thập, bảo vệ, sử dụng, tiết lộ, lưu giữ và xử lý thông tin bí mật hoặc dữ liệu cá nhân và đồng ý rằng không được tiết lộ thông tin; hoặc
- (e) yêu cầu thông tin nhận được sau khi kết thúc thời hạn yêu cầu pháp lý của Thành viên được yêu cầu cho việc lưu giữ chứng từ.

7.2 Trong các trường hợp của việc thực hiện các khoản 4.2, 5.2 hoặc 6.2 của một yêu cầu như vậy phải theo quyết định của Thành viên được yêu cầu.

8 Tương hỗ

Nếu Thành viên yêu cầu có ý kiến cho rằng Thành viên đó sẽ không thể đáp ứng yêu cầu tương tự trong trường hợp một yêu cầu như vậy được thực hiện bởi Thành viên được yêu cầu, hoặc nếu Thành viên vẫn chưa thực hiện điều này, Thành viên phải nêu thực tế đó trong yêu cầu của mình. Việc thực hiện các yêu cầu đó có thể theo quyết định của Thành viên được yêu cầu.

9 Gánh nặng hành chính

9.1 Thành viên yêu cầu phải tính đến các nguồn lực liên quan và tác động chi phí đối với chính quyền Thành viên được yêu cầu trong việc đáp ứng yêu cầu thông tin. Thành viên yêu cầu phải xem xét các tỷ lệ tương xứng giữa lợi ích tài chính của mình trong việc theo đuổi yêu cầu của mình và những nỗ lực Thành viên được yêu cầu thực hiện trong việc cung cấp thông tin.

9.2 Nếu Thành viên được yêu cầu nhận được một số yêu cầu thông tin không thể quản lý hoặc yêu cầu thông tin của phạm vi không thể quản lý từ một hoặc nhiều Thành viên yêu cầu và không thể đáp ứng các yêu cầu như vậy trong một thời gian hợp lý, Thành viên đó có thể yêu cầu một hoặc nhiều Thành viên yêu cầu ưu tiên nhằm thống nhất về một giới hạn thực tế trong hạn chế tài nguyên của Thành viên đó. Trong trường hợp hai bên không cùng đồng ý một cách tiếp

cận, việc thực hiện các yêu cầu đó có thể theo quyết định của Thành viên được yêu cầu dựa trên kết quả ưu tiên riêng của mình.

10 Hạn chế

Không yêu cầu một Thành viên được yêu cầu phải:

- (a) thay đổi hình thức của các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu hoặc các thủ tục của mình;
- (b) yêu cầu các chứng từ khác ngoài các chứng từ đã nộp cùng với tờ khai hàng hóa được qui định trong khoản 6.1(c);
- (c) đưa ra những yêu cầu để có được thông tin;
- (d) sửa đổi thời gian lưu trữ các thông tin đó;
- (e) áp dụng chứng từ giấy trong khi đã áp dụng hình thức điện tử;
- (f) dịch các thông tin;
- (g) xác minh độ trung thực của thông tin; hoặc
- (h) cung cấp thông tin nào ảnh hưởng đến các lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp cụ thể, nhà nước hoặc tư nhân.

11 Sử dụng hoặc tiết lộ thông tin trái phép

11.1 Trường hợp có bất kỳ vi phạm điều kiện sử dụng hoặc tiết lộ thông tin trao đổi theo Điều này, Thành viên yêu cầu nhận được thông tin sẽ cung cấp kịp thời chi tiết việc sử dụng trái phép hoặc thông báo cho Thành viên được yêu cầu việc đã được cung cấp thông tin, và:

- (a) thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục hành vi vi phạm;
- (b) đưa ra các biện pháp cần thiết để ngăn chặn hành vi vi phạm trong tương lai, và
- (c) thông báo cho Thành viên được yêu cầu các biện pháp đề cập tại mục (a) và (b) trên.

11.2 Thành viên được yêu cầu có thể đình chỉ các nghĩa vụ của mình đối với Thành viên yêu cầu theo Điều này cho đến khi các biện pháp qui định tại khoản 11.1 đã được thực hiện.

12 Các Hiệp định song phương và khu vực

12.1 Điều này không ngăn cản một Thành viên tham gia hoặc thực hiện thỏa thuận khu vực hoặc song phương liên quan đến chia sẻ thông tin Hải quan và dữ liệu, bao gồm trong đó có trên một cơ sở an toàn và nhanh chóng như trên cơ sở tự động hoặc trước khi hàng đến.

12.2 Điều này không được hiểu là làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Thành viên theo các thỏa

thuận song phương, đa phương và khu vực đó hoặc để chi phối việc trao đổi thông tin hải quan và dữ liệu theo các thỏa thuận khác.		
---	--	--

Phụ lục I

Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới từng điều khoản của Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại đã được rà soát

Điều khoản của TFA	Các VBQPPL có liên quan đã được rà soát trong Nghiên cứu này
Điều 1.1 Công bố và tính sẵn có của thông tin	<ul style="list-style-type: none">- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) 2008- Nghị định 24/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL- Nghị định 100/2010/NĐ-CP về công báo- Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính (sửa đổi bởi Nghị định 48/2013/NĐ-CP)- Luật Hải quan 2014- Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan- Nghị định 154/2005/NĐ-CP về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan;- Thông tư 12/2015/TT-BTC về thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;- Thông tư 13/2015/TT-BTC về kiểm tra, giám sát, tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ- Thông tư 14/2015/TT-BTC-TCHQ hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu- Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan;- Nghị định 87/2012/NĐ-CP; Thông tư 22/2014/TT-BTC; Thông tư 175/2013/TT-BTC; Thông tư 196/2012/TT-BTC thủ tục hải quan điện tử- Luật Thuế xuất nhập khẩu 2005- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt 2008- Luật thuế giá trị gia tăng 2008, sửa đổi năm 2013- Luật thuế bảo vệ môi trường 2010- Luật quản lý thuế 2006 và sửa đổi 2012- Nghị định 87/2010/NĐ-CP; Nghị định 123/2008 hướng dẫn thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng- Nghị định 26/2009/NĐ-CP hướng dẫn về Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

- Nghị định 67/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế bảo vệ môi trường; Thông tư 159/2012/TT-BTC
- Thông tư 49/2010/TT-BTC về phân loại hàng hóa
- Thông tư 164/2013/TT-BTC về biểu thuế XNK ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế
- Thông tư 156/2011/TT-BTC về danh mục hàng hóa XNK
- Pháp lệnh phí , lệ phí 2001;
- Nghị định 57/2002/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định 24/2006/NĐ-CP (sửa đổi)
- Thông tư 172/2010/TT-BTC hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan
- Nghị định 40/2007/NĐ-CP về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
- Thông tư 205/2010/TT-BTC; Thông tư 29/2014/TT-BTC (sửa đổi) hướng dẫn Nghị định 40/2007
- Nghị định 06/2003/NĐ-CP về phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Thông tư 49/2010/TT-BTC về phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
- Luật thương mại 2005
- Nghị định 19/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa
- Nghị định 187/2013/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;
- Thông tư 04/2014/TT-BCT hướng dẫn Nghị định 187/2013/NĐ-CP
- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012
- Nghị định 127/2013/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan
- Thông tư 190/2013/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 127/2013/NĐ-CP
- Luật khiếu nại 2011
- Nghị định 75/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật khiếu nại 2011
- Các Hiệp định thương mại tự do ASEAN, ASEAN- TQ (ACFTA), ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA), ASEAN-Ấn Độ (AIFTA), ASEAN-Úc-Newzealand (AANZFTA), ASEAN-Nhật Bản (AJFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam-Nhật Bản (VJEPA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi lê (VCFTA), Hiệp định tạo thuận lợi cho vận chuyển người và hàng hóa qua biên giới (GMS)
- Nghị định 12/2006/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài
- Thông tư 09/2014/TT-BCT về nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2014 và 2015 với thuế suất nhập khẩu 0% đối với hàng hóa xuất xứ từ Campuchia
- Thông tư 04/2013/TT-BCT về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan
- Thông tư 08/2014/TT-BCT ngày 18/2/2014 quy định về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế

	quan nhập khẩu đối với mặt hàng đường, muối, trứng gia cầm năm 2014
Điều 1.2 Thông tin sẵn có trên mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 - Pháp lệnh về pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật năm 2012 - Luật Công nghệ thông tin 2006 - Luật truyền phổ biến pháp luật 2013 - Nghị định 24/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật ban hành VBQPPL - Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; - Thông tư 09/2013/TT-BTP hướng dẫn Nghị định 16/2013/NĐ-CP - Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính.
Điều 1.3 Điểm giải đáp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Luật Quản lý thuế 2006 - Nghị định 66/2008/NĐ-CP hỗ trợ pháp lý các doanh nghiệp - Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế (Chú ý: Đây không phải văn bản quy phạm pháp luật, chỉ có giá trị hướng dẫn nội bộ)
Điều 1.4 Thông báo về các địa chỉ cung cấp thông tin và điểm giải đáp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 174/2007/QĐ-TTg về việc kiện toàn Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế
Điều 2.1 Cơ hội góp ý và tiếp cận thông tin trước khi văn bản có hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - Luật ban hành văn bản: tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật ... - Nghị định 24/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản pháp luật
Điều 2.2 Tham vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phổ biến giáo dục pháp luật 2012 - Nghị định 28/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật phổ biến giáo dục pháp luật - Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát pháp luật - Luật quản lý thuế 2006 - Một số văn bản không phải VBQPPL + Tuyên ngôn phục vụ khách hàng ban hành kèm theo Quyết định Quyết định số 225/QĐ-TCHQ ngày 09/02/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan: chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả + Quyết định 1915/2007/QĐ-TCHQ ban hành quy chế tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông

	<p>tin cho người khai hải quan, người nộp thuế</p> <p>+ Quyết định 78/2007/QĐ-BTC ngày 18/9/2007 quy chế hướng dẫn giải đáp vướng mắc về chính sách thuế, quản lý thuế và giải quyết các thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa</p>
<p>Điều 3</p> <p>Xác định trước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005 - Luật Quản lý thuế 2006 (sửa đổi năm 2012) - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và Dự thảo Thông tư thay thế
<p>Điều 4</p> <p>Khiếu nại, khiếu kiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khiếu nại 2011 - Luật Hải quan 2014 - Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 - Thông tư 07/2013/TT-TTCP về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính - Nghị định 83/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung của Luật quản lý thuế - Dự thảo Luật ban hành quyết định hành chính
<p>Điều 5.1</p> <p>Thông báo tăng cường kiểm tra, kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm 2013 - Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa - Luật về kiểm dịch động thực vật 2013 - Pháp lệnh thú y 2004 - Nghị định 33/2005/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 119/2008/NĐ-CP) quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh thú y - Nghị định 71/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm - Nghị định 140/2004/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật biên giới quốc gia - Nghị định số 32/2005/NĐ-CP quy chế của khẩu biên giới đất liền - Thông tư 181/2005/TT-BQP hướng dẫn thực hiện nghị định 32/2005/NĐ-CP về quy chế cửa khẩu biên giới đất liền - Nghị định 05/2008/NĐ-CP về quản lý bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng biển - Nghị định 33/2010/ NĐ-CP về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức cá nhân Việt Nam trên khắp các vùng biển - Nghị định 21/2012/NĐ-CP về quản lý cảng biển và luồng hàng hải - Thông tư 05/2010/TT-BQP hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2008/NĐ-CP về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển

<p>Điều 5.2 Tạm giữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan (Điều 30 – Đoạn 4 và Điều 31); - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007 - Luật Sở hữu trí tuệ; - Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 - Thông tư 175/2013/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan
<p>Điều 5.3 Thủ tục kiểm định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007 - Luật khiếu nại 2011 - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP về thủ tục hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế - Thông tư số 44/2001/TT-BKHCNM hướng dẫn kiểm tra hàng hóa; - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế
<p>Điều 6.1 và Điều 6.2 Quy định chung và cụ thể về phí, lệ phí liên quan tới xuất nhập khẩu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh phí, lệ phí 2001 - Nghị định 57/2002/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí (sửa đổi bởi Nghị định 24/2006/NĐ-CP, Nghị định 115/2011/NĐ-CP) - Thông tư 172/2010/TT-BTC hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan - Nghị định 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực phí và lệ phí (sửa đổi bởi Nghị định 109/2013/NĐ-CP)
<p>Điều 6.3 Quy định về xử phạt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 - Nghị định 127/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan - Thông tư 190/2013/TT-BTC quy định chi tiết thi hành Nghị định 127/2013/NĐ-CP - Luật thuế xuất nhập khẩu 2005 - Dự thảo Luật ban hành quyết định hành chính
<p>Điều 7.1 Xử lý trước khi hàng đến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Quyết định 19/2011/QĐ-TTg ngày 22/3/2011 thí điểm thực hiện tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh - Thông tư 64/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 19/2011/QĐ-TTg

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 988/QĐ-TCHQ năm 2014 về quy trình thủ tục hải quan điện tử về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan điện tử với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại (chú ý văn bản này không phải VBQPPL)
<p>Điều 7.2 Thanh toán điện tử</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; - Nghị định 87/2010/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu - Luật quản lý thuế 2006 - Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế; - Luật giao dịch điện tử - Nghị định 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính - Thông tư 78/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 27/2007/NĐ-CP
<p>Điều 7.3 Tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về thuế, phí, lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hải quan 2014 - Luật quản lý thuế 2006 - Luật thuế xuất nhập khẩu 2007 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại
<p>Điều 7.4 Quản lý rủi ro</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Thông tư 175/2013/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Luật quản lý thuế 2006 - Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế; - Thông tư 86/2013/TT-BTC về doanh nghiệp ưu tiên(sửa đổi bởi Thông tư 133/2013/TT-BTC) và Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này
Điều 7.5 Kiểm tra sau thông quan	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Quyết định 3550/QĐ-TCHQ năm 2013 về quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu (chú ý: văn bản này không phải VBQPPL) - Dự thảo Thông tư về kiểm tra sau thông quan và thanh tra chuyên ngành hải quan
Điều 7.6 Thiết lập và công bố thời gian giải phóng hàng trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Không có VBQPPL - Các văn bản hành chính, nội bộ: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định 2063/QĐ-TCHQ ngày 10/10/2011 ban hành Bản hướng dẫn thực hiện cuộc đo thời gian giải phóng hàng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; + Quyết định 225/QĐ-TCHQ ngày 9/2/2011 ban hành Tuyên ngôn phục vụ khách hàng của TCHQ + Quyết định số 1568/QĐ-TCHQ ngày 16/5/2013 về việc ban hành quy trình xây dựng và sử dụng chỉ số đánh giá hoạt động hải quan + Kế hoạch đo thời gian giải phóng hàng của Bộ Tài chính (2014)
Điều 7.7 Các biện pháp tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp ưu tiên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Thông tư 175/2013/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Luật quản lý thuế 2006 - Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế; - Thông tư 86/2013/TT-BTC về doanh nghiệp ưu tiên (sửa đổi bởi Thông tư 133/2013/TT-BTC) và Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này
Điều 7.8	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hải quan 2014

Hàng chuyển phát nhanh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quản lý thuế 2006 - Luật thuế xuất nhập khẩu 2007 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 128/2007/NĐ-CP về dịch vụ chuyển phát; - Thông tư 100/2010/TT-BTC về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế
Điều 7.9 Hàng hóa dễ hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Luật Thương mại 2005 - Nghị định 187/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài ; - Thông tư 04/2013/BCT hướng dẫn Nghị định 187/2013/NĐ-CP - Quyết định 254/2006/QĐ-TTg về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới
Điều 8.1 Phối hợp giữa các cơ quan quản lý tại biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Luật biên giới quốc gia 2003 - Nghị định 32/2005/NĐ-CP về quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền - Nghị định 50/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển
Điều 9 Vận chuyển hàng hóa dưới sự giám sát hải quan đối với nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Thông tư 175/2013/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan
Điều 10.1 Các yêu cầu về thủ tục và chứng từ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Thông tư 175/2013/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

	<ul style="list-style-type: none"> thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư 86/2013/TT-BTC về doanh nghiệp ưu tiên (sửa đổi bởi Thông tư 133/2013/TT-BTC) và Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính (sửa đổi bởi Nghị định 48/2013/NĐ-CP) - Thông tư 11/2014/TT-BTC ngày 24/03/2014 quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương - Một số văn bản không phải VBQPPL: <ul style="list-style-type: none"> + Nghị quyết số 25/CP ngày 02/6/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành; + Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2010 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính + Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 (Đề án 30)
Điều 10.2 Chấp nhận bản sao chứng từ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 87/2012/NĐ-CP về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư số 22/2014/TT-BTC về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - Thông tư 86/2013/TT-BTC về doanh nghiệp ưu tiên (sửa đổi bởi Thông tư 133/2013/TT-BTC) và Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này
Điều 10.3 Sử dụng chuẩn quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2006 - Luật Hải quan 2014 - Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan - Công ước quốc tế về Hệ thống điều hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS) - Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa (Việt Nam đang nghiên cứu tham gia) - Các khuyến nghị của Tổ chức hải quan quốc tế (WCO) (nghiên cứu, cập nhật nội bộ)
Điều 10.4 Cơ chế một cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 448/2011/QĐ-TTg về chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến 2020 - Thỏa thuận của ASEAN về việc xây dựng hệ thống một cửa ASEAN - Quyết định 48/2011/QĐ-TTg về việc thí điểm thực hiện cơ chế một cửa quốc gia - Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT ngày 25/6/2013 hướng dẫn thực hiện cho 2013 - Quyết định 2120/2011/QĐ-TTg về thành lập ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN và cơ chế một cửa quốc gia
Điều 10.5 Kiểm tra trước khi giao hàng lên tàu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Luật An toàn thực phẩm - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Điều 10.6 Sử dụng đại lý hải quan	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Nghị định 14/2011/NĐ-CP về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Thông tư 80/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 14/2011/NĐ-CP - Dự thảo Thông tư về đào tạo, sát hạch, cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan
Điều 10.7 Các thủ tục quản lý biên giới và yêu cầu chứng từ thống nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Luật Thương mại 2005 - Luật Hàng không dân dụng 2006 - Bộ Luật Hàng hải 2005 - Luật Biên giới quốc gia 2003 - Nghị định 32/2005/NĐ-CP về quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền - Nghị định 50/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển
Điều 10.8 Hàng hóa bị từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này

	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm 2013 - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thông tư 59/2013/TT-BTC về hàng hoá bị từ chối - Thông tư 15/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý hàng hoá tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan
Điều 10.9 Tạm quản hàng hóa, gia công hàng hóa ở trong nước, nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Luật Thương mại 2005 - Thông tư 13/2014/TT-BTC ngày 24/01/2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài
Điều 11 Quá cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Luật Thương mại 2005 - Nghị định 187/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài ; - Thông tư 04/2013/BCT hướng dẫn Nghị định 187/2013/NĐ-CP - Pháp lệnh phí, lệ phí - Nghị định số 57/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí (sửa đổi bởi Nghị định 24/2006/NĐ-CP) - Thông tư 172/2010/TT-BTC hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan - Hiệp định quá cảnh GMS - Hiệp định Việt Nam – Trung Hoa về quá cảnh hàng hóa 1994 - Hiệp định Việt Nam – Campuchia về quá cảnh hàng hóa 2008 - Hiệp định Việt Nam - Lào về quá cảnh hàng hóa 2009
Điều 12 Hợp tác hải quan	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hải quan 2014 - Nghị định số 154/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật hải quan 2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP thay thế Nghị định này - Thông tư 128/2013/TT-BTC về thủ tục hải quan; Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư này - Các Hiệp định về hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước Hàn Quốc (1995); Mông Cổ (2003); Belarus (2008); Ucraina (2010); Nga(2010); Ấn Độ (2014)

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Các Thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Tổng cục Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước: Trung Quốc (1993); Campuchia (2007), Pháp (2009), New Zealand (2010), Australia(2010); Italia (2012), Xu đăng (2012), Ác-hen-ti-na (2012), Hong Kong – Trung Quốc (2013), Hải quan Cuba (2013)- Các văn bản về thủ tục quá cảnh, xuất nhập khẩu với các nước chung đường biên giới với Việt Nam (Lào, Campuchia, Trung Hoa) |
|--|---|